**VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM**

**1. Vị trí địa lí nước ta**

 - Việt Nam nằm ở rìa đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

 - Tiếp giáp:

 + Phía bắc giáp Trung Quốc.

 + Phía tây giáp Lào và Campuchia.

+ Phía đông và nam giáp Biển Đông.

- Giới hạn:

Phần đất liền:

+ Điểm cực Bắc: 23°23′B ( Lũng Cú – Đồng Văn – Hà Giang)

+ Điểm cực Nam: 8°34′B ( Đất Mũi – Ngọc Hiển – Cà Mau)

+ Điểm cực Tây: 102°09′Đ ( Sín Thầu – Mường Nhé – Điện Biên)

+ Điểm cực Đông: 109°24′Đ ( Vạn Thạnh – Vạn Ninh – Khánh Hòa)

Vùng biển: mở rộng về phía đông và đông nam.

- Đặc điểm của vị trí địa lí về tự nhiên

+ Nằm ở vị trí nội chí tuyến bán cầu Bắc, trong khu vực châu Á gió mùa.

+ Nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài sinh vật trên đất liền và trên biển.

+ Vị trí liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.

+ Vị trí ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế, là cầu nối giữa các nước ĐNÁ lục địa và ĐNÁ hải đảo.

+ Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai và chịu ảnh hưởng mạnh của biến đổi khí hậu.

**2. Phạm vi lãnh thổ**

- Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.

\* **Vùng đất**: bao gồm phần đất liền và các đảo, quần đảo trên Biển Đông.

- Phần đất liền có hình chữ S, kéo dài 15 vĩ độ và hẹp ngang.

- Tổng diện tích đất : 331 344 km2.

- Đường biên giới trên đất liền dài hơn 4600 km.

- Đường bờ biển dài 3260km, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

\* **Vùng biển** :

- Vùng biển của Việt Nam thuộc Biển Đông

- Tổng diện tích : 1 triệu km2 .

- Vùng biển VN có hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có 2 quần đảo lớn : Hoàng Sa ( Đà Nẵng), Trường Sa ( Khánh Hòa)

\* **Vùng trời:** Việt Nam là khoảng không gian bao trùm trên lãnh thổ nước ta.

- Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới.

- Trên biển là ranh giới bên ngoài lãnh hải và không gian trên các đảo.

**3. Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam**

1. **Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển**
* Khí hậu:

 + Nước ta nằm hoàn toàn trong đới nóng của bán cầu Bắc, trong vùng gió mùa châu Á nên có khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm có hai mùa rõ rệt (mùa gió đông bắc và mùa gió tây nam).

 + Phần đất liền của nước ta hẹp ngang lại nằm kề biển Đông, có nguồn ẩm dồi dào, các khối khí khi di chuyển qua biển vào sâu trong đất liền đã làm cho thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

 + Vị trí đã làm cho nước ta chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai và biến đổi khí hậu: bão, lũ lụt, hạn hán, nước biển dâng….

* Sinh vật:

 + Nước ta nằm ở nơi giao thoa của các luồng sinh vật nên thành phần loài sinh vật của nước ta rất phong phú, hệ sinh thái rừng nhiệt đới phát triển với nhiều biến thể (rừng thường xanh, rừng tre nứa, rừng khộp, …).

 + Bao gồm: Sinh vật nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới.

 + Sinh vật biển phong phú, đa dạng

* Đất:

 Khí hậu nóng ẩm, lượng mưa lớn nhưng lại tập trung theo mùa nên quá trình feralit diễn ra mạnh nên đất của nước ta chủ yếu là đất feralit.

* Khoáng sản:

 Việt Nam nằm gần nơi giao nhau của hai vành đai sinh khoáng: vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải nên có nguồn TN khoáng sản đa dạng với nhiều loại: than, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng….

1. **Thiên nhiên phân hóa đa dạng**
* Khí hậu:

 + Lãnh thổ trải dài theo chiều bắc – nam nên khí hậu có sự phân hóa theo chiều bắc – nam: miền Bắc có hai mùa là mùa đông và mùa hạ, trong khi miền Nam có hai mùa là mùa mưa và mùa khô.

 + Nước ta bao gồm cả vùng đất và vùng biển rộng lớn nên khí hậu có sự phân hóa theo chiều đông – tây, thay đổi khi đi từ biển, vùng ven biển vào sâu trong đất liền.

* Sự phân hóa của khí hậu dẫn đến sự phân hóa của sinh vật và đất, làm cho sinh vật và đất ở nước ta phong phú và đa dạng

 + Sinh vật nước ta đa dạng về thành phần loài, gien di truyền và kiểu hệ sinh thái.

 + Đất của nước ta có nhiều loại: đất feralit, đất phù sa, đất mùn núi cao…

* Vị trí và hình thể nước ta tạo nên sự phân hoá đa dạng của tự nhiên miền Bắc và miền Nam, miền núi và đồng bằng, ven biển, hải đảo; hình thành các vùng tự nhiên khác nhau.

****

**4. BÀI TẬP & CÂU HỎI VẬN DỤNG**

**Bài tập 1. Ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta về mặt tự nhiên**

**Bài tập 2. Ý nghĩa của vị trí địa lí Việt Nam về kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng**

*-* ***Về kinh tế:***

 ***+ Thuận lợi:***

 - Về kinh tế:

+ Nước ta nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế nên có điều kiện phát triển các loại hình giao thông( đường biển, đường hàng không…), thuận lợi trong việc phát triển quan hệ ngoại thương với các nước trong và ngoài khu vực.

+Việt Nam cũng là cửa ngõ mở lối ra biển của Lào, đông bắc Thái Lan, Campuchia và khu vực tây nam Trung Quốc.

- Về văn hóa - xã hội: vị trí liền kề cùng với nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa và mối giao lưu lâu đời đã tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

- Về an ninh, quốc phòng:

+ Nước ta có vị trí đặc biệt ở vùng Đông Nam Á, một khu vực kinh tế rất năng động và nhạy cảm với những biến động chính trị trên thế giới.

+ Biển Đông đối với nước ta là một chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

+ Khó khăn: Đường biên giới dài cả trên bộ và trên biển , tiếp giáp với nhiều quốc gia nên việc bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia cần được nêu cao.

**Bài tập 3. *Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta hiện nay?***

***\* Thuận lợi***

+ Vị trí tiếp giáp với nhiều quốc gia cả trên đất liền và trên biển tạo điều kiện thuận lợi để nước ta giao lưu hợp tác phát triển kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới trong xu hướng quốc tế hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

- Vị trí là cầu nối giữa ĐNA đất liền và ĐNA hải đảo tạo cho VN vị trí chiến lược trung tâm khu vực ĐNA

- Hình dáng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang nên nước ta là cửa ngõ ra biển thuận tiện cho các nước láng giềng: Lào, CamPuChia….từ đó thuận lợi để phát triển du lịch biển và các ngành kinh tế biển khác.

\* Khó khăn

-Việc tiếp giáp với nhiều quốc gia cả trên biển và trên đất liền nên nước ta phải luôn chú ý bảo vệ đất nước, chống thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng, sóng biển,...) và chống giặc ngoại xâm (xâm chiếm đất đai, hải đáo, xâm phạm vùng biển, vùng trời Tổ quốc,...).

**Bài tập 4. *Dựa vào kiến thức đã học em hãy xác định tọa độ địa lý của nước ta.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Điểm cực | Địa danh hành chính | Vĩ độ | Kinh độ |
| Bắc | xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang | 23°23 B | 105o20 Đ |
| Nam | xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau | 8°34 B | 104o 40Đ |
| Tây | xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên | 22°22 B | 102o09 Đ |
| Đông | xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà | 12°40 B | 109o24Đ |

**Bài tập 5. Những đặc điểm của vị trí địa lí có ảnh hưởng gì tới môi trường tự nhiên nước ta? Cho ví dụ.** Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển và phân hóa đa dạng phức tạp.

 - Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là mang **tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.**

 + *Tính nhiệt đới*: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc nên có nền nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng.

 + *Tính ẩm:* do tiếp giáp biển Đông - nguồn dự trữ nhiệt ẩm dồi dào, đã làm cho thiên nhiên nước ta mang tính hải dương, lượng mưa và độ ẩm lớn, thiên nhiên giàu sức sống, khác hẳn với thiên nhiên một số nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi.

 *+ Gió mùa:* nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch (Tín phong) và gió mùa châu Á điển hình nhất trên thế giới, nên khí hậu có hai mùa rõ rệt.

 *-* ***Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển****:* Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải, trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật nên có tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật vô cùng phong phú.

 *-* ***Tính đa dạng phức tạp****:* Vị trí địa lí kết hợp hình dạng lãnh thổ làm cho thiên nhiên nước ta phân hóa đa dạng theo chiều Bắc – Nam, Đông – Tây, theo độ cao, theo mùa.

**Bài tập số 6. Hình dạng lãnh thổ có ảnh hưởng gì tới các điều kiện tự nhiên và hoạt động giao thông vận tải ở nước ta?**

 - Hình dạng kéo dài và hẹp ngang của phần đất liền, với bờ biển uốn khúc (hình chữ S) theo nhiều hướng và dài trên 3260km đã góp phần làm cho:

 + Thiên nhiên nước ta trở nên đa dạng, phong phú và sinh động.

 + Cảnh quan thiên nhiên nước ta có sự khác biệt rõ rệt giữa các vùng, các miền tự nhiên.

 + Ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền, tăng cường tính chất nóng ẩm của thiên nhiên nước ta.

 - Đối với giao thông vận tải:

 + Hình dạng lãnh thổ cho phép nước ta phát triển nhiều loại hình vận tải: đường bộ, đường biển, đường hàng không...

 + Mặt khác giao thông vận tải nước ta cũng gặp không ít trở ngại, khó khăn, nguy hiểm do hình dạng địa hình lãnh thổ kéo dài. hẹp ngang, nằm sát biển. Các tuyến đường dễ bị chia cắt bởi thiên tai. Đặc biệt là tuyến giao thông bắc - nam thường bị bão, lụt, nước biển phá hỏng gây ách tắc giao thông.

**Bài tập số 6. Dựa vào vốn hiểu biết của mình và kiến thức đã học, em hãy cho biết:**

***- Tên đảo lớn nhất của nước ta là gì? Thuộc tỉnh nào?***

***- Vịnh biển đẹp nhất nước ta là vịnh nào? Vịnh đó đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới vào năm nào?***

***- Nêu tên quần đảo xa nhất của nước ta? Chúng thuộc tỉnh, thành phố nào?***

- Đảo lớn nhất của nước ta là đảo Phú Quốc, diện tích: 568 km2 thuộc tỉnh Kiên Giang.
 - Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới vào năm 1994.
 - Quần đảo xa nhất của nước ta là quần đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hoà).

**Bài tập 7. Vì sao nước ta không có khí hậu nhiệt đới khô hạn như một số nước có cùng vĩ độ?**

 Do tác động của các khối khí di chuyển qua biển kết hợp vai trò của biển Đông đã mang lại nguồn dự trữ dồi dào về nhiệt - ẩm và lượng mưa lớn cho nước ta, đã làm cho thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. Vì thế thiên nhiên nước ta rất giàu sức sống; khí hậu mang tính hải dương điều hòa hơn, khác với 1 số nước cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi

**ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**A. Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam**

1. **Địa hình đồi núi chiếm ưu thế**

- Đồi núi chiếm ¾ diện tích lãnh thổ.

- Chủ yếu là đồi núi thấp: địa hình thấp dưới 1000m chiếm tới 85%. Núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1%, cao nhất là Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phan-xi-păng cao 3147m.

- Đồi núi nước ta tạo thành một cánh cung lớn hướng ra Biển Đông, chạy dài 1400Km, từ miền Tây Bắc tới miền Đông Nam Bộ.

- Nhiều vùng núi lan ra sát biển hoặc bị biển nhấn chìm thành các quần đảo như vùng biển Hạ Long (Quảng Ninh) trong vịnh Bắc Bộ.

- Địa hình đồng bằng chỉ chiếm ¼ lãnh thổ đất liền và bị đồi núi chia cắt thành nhiều khu vực, điển hình là đồng bằng duyên hải miền Trung.

**2. *Địa hình có 2 hướng chính là TB-ĐN và vòng cung.***

 ***-*** Hướng TB-ĐN: dãy Con Voi, Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc,...

- Hướng vòng cung: cánh cung Ngân Sơn, cánh cung Bắc Sơn, cánh cung Đông Triều, cánh cung Sông Gâm.

**3. Địa hình nước ta được nâng lên ở giai đoạn Tân kiến tạo và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau**

- Vận động Hi-ma-lay-a trong giai đoạn Tân kiến tạo đã làm cho địa hình nước ta nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: núi đồi, đồng bằng,bờ biển và thềm lục địa.

- Địa hình thấp dần từ nội địa ra tới biển, trùng với hướng tây bắc - đông nam.

**3. Địa hình chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người**

1. ***Địa hình chịu tác động của khí hậu nhiệt đới gió mùa***

- Nhiệt độ cao, độ ẩm lớn đã làm cho quá trình phong hóa ở nước ta xảy ra nhanh và mạnh tạo nên lớp vỏ phong hóa dày, dễ thấm nước và vụn bở.

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa với lượng mưa lớn và tập trung theo mùa đã làm cho địa hình bị xâm thực xói mòn mạnh

 - Lượng mưa lớn làm quá trình hòa tan đá vôi mạnh mẽ, tạo nên các dạng địa hình cac-xto độc đáo với nhiều hang động lớn: hang Sơn Đòong, động Phong Nha...

 - Vào mùa mưa lớn, tại vùng núi thường xảy ra các hiện tượng: đá lở, lũ quét...làm thay đổi bề mặt địa hình

1. ***Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người***
* Các dạng địa hình nhân tạo xuất hiện ngày càng nhiều (các công trình kiến trúc đô thị, hầm mỏ, giao thông, đê, đập, kênh rạch, hồ chứa nước,...).

**B. ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH**

1. **Khu vực đồi núi**
2. ***Vùng đồi núi Đông Bắc***

- Giới hạn: Nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng, từ dãy núi Con Voi đến vùng đồi núi ven biển Quảng Ninh.

- Đặc điểm:

 + Là vùng đồi núi thấp, độ cao trung bình phổ biến dưới 1 000 m.

 + Hướng vòng cung với 4 cánh cung núi lớn (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

+ Địa hình các-xtơ khá phổ biến, tạo nên những cảnh quan đẹp như vùng hồ Ba Bể, vịnh Hạ Long…

+ Một số đỉnh núi cao > 2000m: (Atlat địa lí VN)

**b. Vùng núi Tây Bắc**

- Giới hạn: Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

- Đặc điểm:

 + Có địa hình cao nhất nước ta với độ cao trung bình 1 000 - 2 000 m, nhiều đỉnh cao trên 2 000 m.

 + Hướng địa hình: tây bắc- đông nam. Có nhiều dãy núi cao > 2000m ( Phan-xipăng…..

+ Các dạng địa hình chủ yếu: núi cao, núi trung bình, cao nguyên( Sơn La, Mộc Châu…), bán bình nguyên và các bồn địa.

***c. Vùng núi Trường Sơn Bắc***

- Giới hạn: Kéo dài từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã

 - Đặc điểm:

 + Chủ yếu là núi trung bình và núi thấp

 + Các dãy núi chạy song song và so le nhau theo hướng tây bắc – đông nam.

+ Một số dãy núi chạy sát biển có hướng tây – đông.

+ Một số đỉnh núi cao > 2000m: Atlat

***d. Vùng núi Trường Sơn Nam***

- Giới hạn: Phía nam Trường Sơn Bắc đến giáp đồng bằng sông Cửu Long.

- Đặc điểm:

 + Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên, độ cao lớn hơn vùng Trường Sơn Bắc.

 + Hướng vòng cung, hai sườn đông và tây TSN không đối xứng

 + Có các cao nguyên xếp tầng với độ cao khác nhau: CN Kon Tum, CN Đăk Lăk, CN Pleiku…

 + Một số đỉnh núi cao > 2000m: Atlat….

+ Chuyển tiếp giữa miền núi, cao nguyên với miền đồng bằng là địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ

**Khu vực đồng bằng**

1. ***Đặc điểm tự nhiên đồng bằng sông Hồng***

- Vị trí: Nằm ở phía Bắc nước ta, thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

- Diện tích: khoảng 15 000 km2, lớn thứ hai nước ta.

- Nguồn gốc: Được bồi đắp phù sa bởi hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình.

- Địa hình:

+ Cao ở phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển. Độ cao vùng trung tâm 2-4m

+ Hình dạng: dạng hình tam giác châu mở rộng ra biển.

+ Đồng bằng bị chia cắt bởi hệ thống đê ngăn lũ, tạo thành những ô trũng, khu vực trong đê không còn được bổi đắp tự nhiên, vùng ngoài đê được bồi đắp phù sa hàng năm.

1. ***Đặc điểm tự nhiên đồng bằng sông Cửu Long***

-Vị trí: Nằm ở phía Nam nước ta, thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

- Diện tích: trên 40 000 km2, lớn nhất nước ta.

- Nguồn gốc: Do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi tụ nên.

Có dạng hình thang.

Địa hình thấp và bằng phẳng hơn, có độ cao trung bình 2 - 3 m so với mực nước biển.

- Có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; về mùa lũ nước ngập trên diện rộng, về mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm cho 2/3 diện tích đồng bằng là đất phèn, đất mặn.

- Đồng bằng có các vùng trũng lớn như: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên,... là những nơi chưa được bồi lấp xong.

***Đồng bằng duyên hải miền Trung***

- Diện tích: khoảng 15 000 km2.

- Nguồn gốc: Được hình thành từ phù sa sông và phù sa biển bồi đắp.

 - Địa hình:

 + Các nhánh núi đầm ngang và ăn sát ra biển chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ hẹp, rộng nhất là đồng bằng Thanh Hoá (3 100 km2).

+ Ít màu mỡ hơn so với hai đổng bằng châu thổ hạ lưu sông do đất có nguồn gốc hỗn hợp từ phù sa sông và phù sa biển, trong đồng bằng có nhiều cồn cát.

1. **Địa hình bờ biển và thềm lục địa**

- Bờ biển nước ta dài 3 260 km, từ Móng cái đến Hà Tiên.

- Có hai dạng bờ biển chính: bờ biển bồi tụ và bờ biển mài mòn.

Bờ biển bồi tụ (tại các châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long) có nhiều bãi bùn rộng, rừng cây ngập mặn phát triển, thuận lợi cho nuôi trồng thuỷ sản.

Bờ biển mài mòn (tại các vùng chân núi và hải đảo như đoạn bờ biển từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu) rất khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh nước sâu, kín gió và nhiều bãi cát.

- Thềm lục địa nước ta nông, mở rộng tại các vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ với độ sâu không quá 100m. Ở vùng biển miền Trung, thềm lục địa sâu hơn và thu hẹp.

**C. ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ PHÂN HÓA ĐỊA HÌNH ĐỐI VỚI SỰ PHÂN HÓA TỰ NHIÊN VÀ KHAI THÁC KINH TẾ**

***1. Ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với phân hoá tự nhiên***

- Do địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp nên tính nhiệt đới của thiên nhiên được bảo toàn trên phần lớn diện tích lãnh thổ.

- Ở các vùng núi, thiên nhiên có sự phân hoá theo đai cao:

+ Đai nhiệt đới gió mùa: HST rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa.

+ Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi: hệ sinh thái rừng lá rộng cận nhiệt,

+ Đai ôn đới gió mùa trên núi phát triển thực vật ôn đới.

- Thiên nhiên có sự phân hóa giữa các sườn núi.

+ Dãy Hoàng Liên Sơn làm suy yếu tác động của gió mùa Đông Bắc khiến mùa đông ở Tây Bắc có thời gian ngắn hơn và nền nhiệt cao hơn ở Đông Bắc.

+ Dãy Trường Sơn gây nên hiệu ứng phơn tạo ra sự khác biệt về thời gian mùa mưa giữa hai sườn núi.

+ Dãy Bạch Mã ngăn ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào phía nam nước ta, trở thành ranh giới tự nhiên của hai miển khí hậu (phía bắc có mùa đông lạnh và phía nam nóng quanh năm). Tự nhiên ở hai miền cũng có nhiều nét khác biệt.

1. ***Ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với khai thác kinh tế***
2. ***Thế mạnh***

*\*Khai thác kinh tế ở khu vực đồi núi*

- Đối với nông nghiệp, lâm nghiệp:

+ Có nguồn lâm sản phong phú thuận lợi phát triển ngành lâm nghiệp;

+ Các đồng cỏ tự nhiên rộng lớn tạo điều kiện phát triển chăn nuôi gia súc lớn (Mộc Châu…);

+ Thổ nhưỡng và khí hậu thích hợp cho hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và cả cây lương thực (Tây Nguyên, Đông Nam Bộ)…

- Đối với công nghiệp:

+ Có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi phát triển các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản, luyện kim, (ở vùng núi Đông Bắc, Tây Bắc,...).

+ Sông ngòi chảy qua địa hình miền núi, nhiều thác ghềnh nên có tiềm năng thuỷ điện rất lớn (Sông Đà, sông Xê San…).

- Đối với du lịch: có khí hậu mát mẻ, cảnh quan đa dạng và đặc sắc, là cơ sở để hình thành các địa điểm du lịch có giá trị (Sapa, Đà Lạt…).

*\*Khai thác kinh tế ở khu vực đồng bằng*

- Địa hình bằng phẳng, đất màu mỡ, nguồn nước dồi dào, dân cư đông đúc nên thuận lợi phát triển các ngành kinh tế.

- Đối với ngành nông nghiệp, thuỷ sản: là vùng trồng cây lương thực, thực phẩm, chăn nuôi gia súc nhỏ và gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản,... chủ yếu của cả nước (Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long).

-Thuận lợi cho xây dựng cơ sở hạ tầng và cư trú nên hình thành nhiều trung tâm kinh tế lớn (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ…).

*\*Khai thác kinh tế ở vùng biển và thềm lục địa*

Vùng biển và thềm lục địa của nước ta thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển, bao gồm:

* Khai thác, nuôi trồng thuỷ sản và làm muối:

+ Vùng biển Việt Nam có nhiều loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, trữ lượng tương đối lớn (tôm hùm, đồi mồi…) thuận lợi cho ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản.

+ Vùng ven biển Nam Trung Bộ thuận lợi cho nghề làm muối.

- Giao thông vận tải biển: Có nhiều vũng, vịnh để xây dựng các cảng nước sâu như cảng Cái Lân, cảng Chân Mây, cảng Vân Phong…

- Khai thác năng lượng: có tiềm năng về dầu khí, năng lượng gió, thủy triều.

- Du lịch biển - đảo: Có nhiều bãi tắm đẹp (Sầm Sơn, Thiên Cầm, Mỹ Khê, Nha Trang…), nhiều đảo có phong cảnh đẹp, không khí trong lành (Phú Quốc, Côn Đảo, Cù Lao…).

1. ***Hạn chế***

- Khu vực đồi núi: Địa hình bị chia cắt mạnh gây khó khăn cho giao thông và cần chú ý đến công tác phòng chống thiên tai như lũ quét, sạt lở,... Tại các đứt gãy sâu còn có nguy cơ phát sinh động đất.

- Khu vực đồng bằng: Do lịch sử khai thác lâu đời và dân cư tập trung đông đúc nên tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức, môi trường một số nơi bị suy thoái,...

- Khu vực bờ biển và thềm lục địa: Chịu tác động bởi các thiên tai như bão, sạt lở bờ biển,... Trong quá trình khai thác cần chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường biển, bảo tồn sự đa dạng sinh học của các hệ sinh thái biển,...

***Câu hỏi và bài tập:***

 ***Các dạng địa hình sau đây của nước ta được hình thành như thế nào?***

- Địa hình cacxtơ - Địa hình cao nguyên badan

- Địa hình đê sông, đê biển - Địa hình đồng bằng phù sa mới.

**- Địa hình các – xtơ nhiệt đới :**

+ Địa hình này nước ta chiếm khoảng 50000 km2, bằng 1/6 lãnh thổ đất liền. Trong nước mưa có thành phần CO2 khi tác dụng với đá vôi gây ra phản ứng hòa tan đá:

             CaCO3  +  H2CO3   = Ca(HCO3)2

+ Sự hòa tan đá vôi ở vùng nhiệt đới như nước ta xảy ra rất mãnh liệt. Địa hình cácxtơ nước ta có đỉnh nhọn, sắc sảo (đá tai mèo) với nhiều hang động có những hình thù kì lạ.

**-  Địa hình cao nguyên badan:**

Các cao nguyên badan ở Việt Nam hình thành vào giai đoạn tân sinh do dung nham núi lửa phun trào theo các đứt gãy. Chúng tập trung ở Tây Nguyên và rải rác ở một số nơi như Nghệ An, Quảng Trị, Đông Nam Bộ,…Tổng diện tích badan tới hơn 20000 km2.

**-  Địa hình đồng bằng phù sa mới:**

Ở Việt Nam, các đồng bằng này nguyên là những vùng sụt lún vào giai đoạn Tân sinh. Sau đó được bồi đắp dần bằng vật liệu trầm tích do sông ngòi bóc mòn từ miền núi đưa tới. Lớp trầm tích phù sa có thê dày 5000-6000m. Tổng diện tích của các đồng bằng khoảng 70000 km2. Trong đó lớn nhất là đồng bằng sông Cửu Long 4000 km2 . Các đồng bằng còn đang phát triển, mở rộng ra biển hàng trăm héc ta mỗi năm.

**- Địa hình đê sông, đê biển:**

+ Đê sông được xây dựng chủ yếu ở đồng bằng Bắc Bộ, dọc hai bờ sông Hồng sông Thái Bình... để chống lụt. Hệ thống đê dài trên 2700km đã ngăn đồng bằng thành các vùng trũng nằm thấp hơn mực nước sông vào mùa lũ từ 3 đến 7m.

+ Đê biển được xây dựng dọc ven biển Thái Bình, Nam Định... để ngăn mặn. chống sự xâm nhập của thủy triều...

 ***Tại sao địa hình nước ta bị cắt xẻ xói mòn và phong hóa mạnh mẽ?***

 *Địa hình nước ta bị cắt xẻ xói mòn và phong hóa mạnh mẽ vì:*

- Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi lại có lượng mưa lớn tập trung theo mùa nên địa hình dễ bị xói mòn, rửa trôi.

- Nước ta nằm trong môi trường nóng ẩm gió mùa nên bề mặt địa hình và dưới rừng có lớp vỏ phong hóa dày, vụn bở..

- Nước ta có đường bờ biển dài kết hợp với cấu trúc địa hình có những dãy núi ăn lan ra sát biển làm cho địa hình bờ biển bị cắt xẻ mạnh, mài mòn ở chân núi.

 ***Dựa vào atlat hãy tìm các vùng núi cao, các cao nguyên ba dan, các đồng bằng trẻ, phạm vi thềm lục địa. Nhận xét về sự phân bố và hướng nghiêng của chúng.***

- Vùng núi cao: Hoàng Liên Sơn.

- Các cao nguyên ba dan: Đắk Lắk, Plây Ku, Kon Turn, Lâm Viên, Mơ Nông, Di Linh.
 - Các đồng bằng trẻ: đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng Duyên hải miền Trung.

- Phạm vi thềm lục địa: mở rộng ở Bắc Bộ và Nam Bộ, thu hẹp ở miền Trung.
 - Nhận xét: địa hình núi ở nước ta có hai hướng chủ yếu là tây bắc - đông nam và vòng cung. Núi, cao nguyên phân bố chủ yếu ở phía tây của lãnh thổ, đồng bằng phân bố chủ yếu ở phía đông.

***Em hãy cho biết khi rừng bị con người chặt phá thì mưa lũ sẽ gây ra hiện tượng gì? Bảo vệ rừng có những lợi ích gì?***

- Khi rừng bị con người chặt phá thì mưa lũ sẽ gây ra hiện tượng: xói mòn đất, đất trượt, núi lở, lũ lụt, lũ đá.

- Lợi ích của việc bảo vệ rừng: bảo vệ đất, chống xói mòn, hạn chế lũ lụt, bảo vệ sự đa dạng sinh vật…

***Địa hình nước ta hình thành và biến đổi do những nhân tố chủ yếu nào ?***

 Địa hình nước ta hình thành và biến đổi do các nhân tố :

 - Hoạt động tân kiến tạo.

 - Ngoại lực, nhất là trong điều kiện nhiệt đới ẩm gió mùa.

 - Hoạt động của con người.

 ***Dựa vào atlat, xác định một số nhánh núi, khối núi lớn ngăn cách và phá vỡ tính liên tục của dải đồng bằng ven biển nước ta.***

Một số nhánh núi, khối núi lớn ngăn cách và phá vỡ tính liên tục của dải đồng bằng ven biển nước ta:

+ Hoành Sơn

+ Bạch Mã

+ Một số nhánh núi từ dãy Trường Sơn Nam đâm ra biển, nơi có đèo Cù Mông, đèo Cả…

 ***Vì sao các đồng bằng duyên hải Trung Bộ nhỏ hẹp và kém phì nhiêu.***

Các đồng bằng duyên hải Trung Bộ nhỏ hẹp vì núi ăn ra sát biển.

 Trong quá trình hình thành các đồng bằng này, biển đóng vai trò chủ yếu nên đất ở đây thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

 ***Địa hình đá vôi tập trung nhiều ở miền nào.***

Địa hình đá vôi tập trung nhiều ở miền Bắc:

+ Đông Bắc

+ Tây Bắc

+ Bắc Trung Bộ.

 ***Địa hình cao nguyên ba dan tập trung nhiều ở miền nào.***

 Địa hình cao nguyên ba dan tập trung nhiều ở vùng Trường Sơn Nam, đặc biệt là Tây Nguyên.

 ***So sánh sự khác nhau giữa các vùng núi của nước ta?***

  ***So sánh địa hình hai vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, em nhận thấy chúng giống nhau và khác nhau như thế nào?***

***Thế mạnh và hạn chế tự nhiên của các khu vực đồi núi và đồng bằng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?***

***a) Khu vực đồi núi***

***- Các thế mạnh (Thuận lợi):***

 + Khoáng sản: Khu vực đồi núi tập trung nhiều loại khoáng sản (thiếc, sắt, pyrit, niken, crôm, vàng, vonfram, bôxit, apatit, đá vôi, than đá, vật liệu xây dựng...). Đó là nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp.

 + Rừng và đất trồng: Tạo cơ sở phát triển nền lâm-nông nghiệp nhiệt đới. Rừng giàu có về thành phần loài động, thực vật; trong đó nhiều loài quý hiếm tiêu biểu cho sinh vật rừng nhiệt đới.

 + Miền núi nước ta còn có các cao nguyên và các thung lũng, tạo thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, phát triển chăn nuôi đại gia súc. Ngoài các cây trồng, vật nuôi nhiệt đới, ở vùng cao còn có thể trồng được các loài động, thực vật cận nhiệt và ôn đới. Đất đai vùng bán bình nguyên và đồi trung du thích hợp để trồng các cây công nghiệp, cây ăn quả và cả cây lương thực.

 + Nguồn thủy năng: Các con sông ở miền núi nước ta có tiềm năng thủy điện lớn.

 + Tiềm năng du lịch: Có nhiều điều kiện để phát triển các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng….nhất là du lịch sinh thái.

***- Khó khăn:***

+ Địa hình chia cắt mạnh, lắm sông suối, hẻm vực, sườn dốc, gây trở ngại cho giao thông, cho việc khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các vùng.

+ Do mưa nhiều, độ dốc lớn, miền núi còn là nơi xảy ra các thiên tai như lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, trượt lở đất. Tại các đứt gãy sâu còn có nguy cơ phát sinh động đất. Các thiên tai khác như lốc, mưa đá, sương muối, rét hại….thường gây tác hại lớn cho sản xuất và đời sống dân cư.

***b) Khu vực đồng bằng***

***- Các thế mạnh:***

 + Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng các loại nông sản, mà nông sản chính là lúa gạo.

 + Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên như thủy sản, khoáng sản và lâm sản.

 + Là nơi có điều kiện để tập trung các thành phố, các khu công nghiệp và các trung tâm thương mại.

 + Phát triển giao thông vận tải đường bộ, đường sông.

***- Hạn chế:***

Các thiên tai như bão, lụt, hạn hán…thường xảy ra, gây thiệt hại lớn về người và tài sản

**BÀI 2. KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

1. **Đặc điểm chung của khoáng sản Việt Nam**

Khoáng sản Việt Nam có một số đặc điểm sau:

- Cơ cấu: Khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng. Nước ta đã phát hiện được trên 5000 mỏ và điểm quặng của hơn 60 loại khoáng sản khác nhau.

- Phân loại: + Dựa vào tính chất công dụng, bao gồm các loại khoáng sản:

. Khoáng sản năng lượng (than, dầu mỏ, khí tự nhiên….)

. Khoáng sản kim loại (sắt, boooxxit…)

. Khoáng sản phi kim loại (apatit, đá vôi….)

- Trữ lượng:

+ Phần lớn các mỏ khoáng sản có trữ lượng trung bình và nhỏ, gây khó khăn cho việc khai thác và công tác quản lí tài nguyên khoáng sản.

+ Một số khoáng sản có trữ lượng lớn là than, dầu khí, apatit, đá vôi, sắt, crom, đồng, thiếc, boxit.

- Phân bố: Khoáng sản nước ta phân bố ở nhiều nơi nhưng tập trung chủ yếu ở miển Bắc, miển Trung và Tây Nguyên.

**\* Sự giàu có tài nguyên khoáng sản nước ta do các nguyên nhân chính sau đây:**

- Việt Nam có lịch sử địa chất, kiến tạo rất lâu dài, phức tạp.

- Việt Nam trải qua rất nhiều chu kì kiến tạo lớn. Mỗi chu kì kiến tạo sản sinh một hệ khoáng sản đặc trưng.

- Việt Nam nằm ở vị trí tiếp giáp của hai vành đai sinh khoáng lớn của thế giới là Địa Trung Hải và Thái Binh Dương.

- Sự phát hiện, thăm dò, tìm kiếm khoáng sản của ngành địa chất nước ta ngày càng có hiệu quả

**2. Đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu**

+ Than đá: Tổng trữ lượng khoảng 7 tỉ tấn, phân bố chủ yếu ở Quảng Ninh.

+ Dầu mỏ và khí tự nhiên: Tổng trữ lượng khoảng 10 tỉ tấn dầu quy đổi, phần bố chủ yếu ở vùng thềm lục địa phía đông nam.

+ Bô-xít: Tổng trữ lượng khoảng 9 tỉ tấn, phân bố tập trung ở Tây Nguyên (Đẳk Nông, Lầm Đồng, Gia Lai, Kon Tum,...), ngoài ra còn có ở một số tỉnh phía bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang,...).

+ Sắt: Tổng trữ lượng khoảng 1,1 tỉ tấn,phân bố chủ yếu ở khu vực Đông Bắc (Thái Nguyền, Lào Cai, Hà Giang),... và Bắc Trung Bộ (Hà Tĩnh).

+ A-pa-tít: Tổng trữ lượng khoảng 2 tỉ tấn, phân bố tập trung ở Lào Cai.

+ Ti-tan: Tổng trữ lượng khoảng 663 triệu tấn, phần bố rải rác ở ven biển từ Quảng Ninh đến Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Đá vôi: Tổng trữ lượng lên đến 8 tỉ tấn, phân bố chủ yếu ở vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

1. **Vấn đề sử đụng hợp lý tài nguyên khoáng sản**

**a.Thực trạng**

- Khoáng sản là tài nguyên không thể phục hồi.

- Vai trò: Cung cấp nhiên liệu cho đời sống và sản xuất, cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp.

- Thực trạng: Nhiều mỏ khoáng sản ở nước ta đã được tiến hành thăm dò và đưa vào khai thác, tuy nhiên việc khai thác và sử dụng khoáng sản còn chưa hợp lí, nhiều nơi công nghệ khai thác còn lạc hậu,... gây lãng phí,

- Hậu quả: + Ảnh hưởng xấu đến môi trường và phát triển bền vững.

 + Một số loại khoáng sản bị khai thác quá mức dẫn tới nguy cơ cạn kiệt.

**b. Một số giải pháp nhằm sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản:**

- Thực hiện nghiêm Luật khoáng sản Việt Nam

- Quản lí chặt chẽ việc khai thác khoảng sản để tránh tình trạng thất thoát.

- Sử dụng khoáng sản tiết kiệm để đảm bảo lợi ích lâu dài của đất nước.

- Quản lí trữ lượng và sản lượng khai thác.

- Sử dụng công nghệ khai thác tiên tiến để tráng tình trạng làm ô nhiễm môi trường và nâng cao hiệu quả khai thác.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong hoạt động khai thác và sử dụng khoáng sản.

***Câu hỏi ôn tập***

***Câu 1: Chứng minh rằng nước ta có nguồn TNKS phong phú, đa dạng?***

***Câu 2: Nêu một số nguyên nhân làm cạn kiệt nhanh chóng nguồn tài nguyên khoáng sản nước ta?***

- Do chế độ bóc lột và chính sách vơ vét tàn bạo của thực dân Pháp trong hơn 80 năm.

- Do nhu cầu sử dụng ngày càng cao của con người

- Quản lí lỏng lẻo, tự do khai thác bừa bãi (than, vàng, sắt, thiếc, đá quý...)

- Kĩ thuật khai thác lạc hậu, hàm lượng quặng còn nhiều trong chất thải.

- Thăm dò đánh giá không chính xác về trữ lượng, hàm lượng, phân bố làm cho khai thác gặp khó khăn và đầu tư lãng phí.

  **Câu 3: *Có ý kiến cho rằng Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản “giàu có vô tận”? Em có đồng ý với ý kiến đó không? Tại sao?***

- Nước ta có nguồn khoáng sản phong phú, đa dạng: Ngành địa chất Việt Nam đã khảo sát, thăm dò được khoảng 5000 điểm quặng và tụ khoáng của gần 60 loại khoáng sản khác nhau => Đứng về số lượng và mật độ các mỏ quặng trên diện tích lãnh thổ thì Việt Nam rõ ràng là một nước giàu có, được thiên nhiên ưu đãi về tài nguyên khoáng sản.

 - Tuy nhiên đứng về qui mô, trữ lượng tài nguyên khoáng sản thì nước ta không có nhiều mỏ, nhiều loại khoáng sản có tầm cỡ thế giới.

 - Mặt khác khoáng sản là loại tài nguyên không thể phục hồi.

- Nhiều mỏ khoáng sản ở nước ta đã được đưa vào khai thác, tuy nhiên việc khai thác và sử dụng khoáng sản còn chưa hợp lí, nhiều nơi công nghệ khai thác còn lạc hậu,... gây lãng phí, ảnh hưởng xấu đến môi trường và phát triển bền vững. Một số loại khoáng sản bị khai thác quá mức dẫn tới nguy cơ cạn kiệt

 Vì vậy em không đồng ý với ý kiến cho rằng Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản “giàu có vô tận”?

 ***Tại sao Việt Nam là nước giàu tài nguyên khoáng sản? (mục 2 – nguyên nhân)***

***Vì sao đặt ra vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản?***

 *Đặt ra vấn đề khai thác và bảo vệ TNKS vì:*

 - Khoáng sản là tài nguyên vô cùng quý giá, là nguyên liệu của công nghiệp.

 - Phải khai thác tiết kiệm vì khoáng sản không phải là tài nguyên vô tận và là loại tài nguyên không thể phục hồi , việc hình thành khoáng sản phải trải qua thời gian lâu dài hàng triệu năm.

 - Hiện nay một số khoáng sản của nước ta có nguy cơ bị cạn kiệt và sử dụng còn lãng phí.

 - Việc khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản ở một số vùng của nước ta như vùng mỏ Quảng Ninh, Thái Nguyên, Vũng Tàu…đã làm ô nhiễm môi trường sinh thái…

**KHÍ HẬU VIỆT NAM**

**1. Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm**

***a. Tính chất nhiệt đới***

- Tổng bức xạ lớn( 110- 160 kcal/cm2/năm), cán cân bức xạ luôn dương từ 70 - 100 kcal/cm2/năm.

- Nhiệt độ trung bình năm cao: > 200C (trừ vùng núi cao) và tăng dần từ bắc vào nam.

- Tổng số giờ nắng dao động trong khoảng 1400-3000 giờ mỗi năm.

**Nguyên nhân:** Do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến. Hàng năm nhận được lượng bức xạ lớn do có góc nhập xạ lớn, mọi nơi trong năm đều có hai lần mặt trời đi qua thiên đỉnh.

**Ảnh hưởng:**

 + Tạo điều kiện phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới.

 + Số giờ nắng nhiều tạo điều kiện đa dạng hóa sản xuất cây trồng vật nuôi.

 +Tạo điều kiện thuận lợi cho phơi sấy sản phẩm nông sản…

***b. Tính chất ẩm:***

+ Lượng mưa cả năm lớn, trung bình từ 1500 – 2000mm/ năm

+ Độ ẩm tương đối cao, trung bình trên 80% .

+ Cân bằng ẩm luôn dương.

***Nguyên nhân:***

+ Do tác động của các khối khi di chuyển qua biển (trong đó có biển Đông).

+ Do hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới và bão.

***Ảnh hưởng:***

 + Mưa nhiều,độ ẩm cao tạo ra 1 môi trường cảnh quan nhiệt đới tiêu biểu.

 +Tạo điều kiện thuận lợi cho các cây và các con của vùng khí hậu nhiệt đới phát triển mạnh.

 + Cung cấp nước tưới nhiều cho sản xuất và sinh hoạt.

 + Ngoài ra cũng gây không ít khó khăn như: nhiều sâu nấm, bệnh hại dễ phát sinh..

***c. Tính chất gió mùa:***

Ở nước ta có 2 loại gió mùa chủ yếu là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.

***\* Gió mùa mùa đông***

- Hướng gió: hướng chính Đông Bắc (0,25)

- Thời gian hoạt động: từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau (0,25)

- Đặc điểm: Thời tiết, khí hậu 2 miền không giống nhau (0,25)

+ Miền khí hậu phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra): Chịu ảnh hưởng của khối khí lạnh từ phía Bắc di chuyển xuống tạo nên một mùa đông lạnh (0,5)

 . Nửa đầu mùa động lạnh khô, nửa sau mùa đông lạnh ẩm, mưa phùn (0,5)

. Nhiều nơi nhiệt độ xuống thấp, vùng núi có nơi xuống dưới 00C, đồng bằng có nơi xuống 50C…xuất hiện sương muối, sương giá, băng tuyết…(0,25)

+ Miền khí hậu phía Nam (từ dãy B Mã trở vào): Gió tín phong bán cầu Bắc có hướng đông bắc chiếm ưu thế gây mưa cho vùng biển Nam Trung Bộ; còn ở Tây Nguyên và Nam Bộ thời tiết nóng khô (0,75).

 ít mưa Khi di chuyển xuống phía Nam gió mùa đông bắc bị suy yếu dần do bị dãy Bạch Mã chắn ngang.

 + Từ Đà Nẵng trở vào có sự hoạt động của gió Tín Phong bán cầu Bắc có hướng Đông Bắc với tính chất nóng, khô

***\*  Gió mùa mùa hạ***:

- Thời gian hoạt động từ tháng 5 đến tháng 10.

- Hướng gió: hướng chính tây nam , ngoài ra hướng đông nam ở đồng bằng Bắc Bộ

- Đặc điểm:

+ Đầu mùa hạ, gió mùa tây nam gây mưa ở đb Nam Bộ và Tây Nguyên . Vượt dãy Trường Sơn khối khí này trở nên khô nóng cho đồng bằng Trung Bộ và khu vực Nam Tây Bắc.

+ Giữa và cuối mùa hạ: gió mùa tây nam xuất phát từ áp cao chí tuyến bán cầu nam gây mưa lớn ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

+ Ở Bắc Bộ gió mùa đông nam hoạt động vào mùa hạ.

**Nguyên nhân:**

Tính chất gió mùa của khí hậu Việt Nam là do vị trí nước ta nằm trong vùng hoạt động của gió mùa châu Á gây nên bởi sự chênh lệch giữa các vùng khí áp trên lãnh thổ.

**2. Sự phân hóa đa dạng của khí hậu Việt Nam**

**a. Phân hóa theo chiều bắc – nam**

Khí hậu trên phần đất liền của Việt Nam có thể chia thành 2 miền:

-Miền khí hậu phía Bắc, từ dãy Bạch Mã (vĩ tuyến 16°B) trở ra: nhiệt độ không khí trung bình năm trên 20°c, mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên có 2 đến 3 tháng lạnh với nhiệt độ trung bình tháng dưới 18°c, nửa đầu mùa đông tương đối khô và nửa cuối mùa đông ẩm ướt; mùa hè nóng, ẩm và mưa nhiều.

- Miền khí hậu phía Nam, từ dãy Bạch Mã (vĩ tuyến 16°B) trở vào: nhiệt độ trung bình năm trên 25°c, không có tháng nào dưới 20°c, biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn 9°c, có một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt.

**b. Phần hoá theo chiều đông - tây**

Theo chiều đông - tây, khí hậu nước ta có sự phân hoá giũa vùng biển và đất liền, giữa phía đông và phía tây của các dãy núi:

- Vùng biển và thềm lục địa có khí hậu ôn hoà hơn trong đất liền;

- Vùng đồng bằng ven biển có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa;

- Vùng đồi núi phía tây khí hậu phân hoá phức tạp do tác động của gió mùa và hướng của các dãy núi.

**c. Phân hoá theo độ cao**

Khí hậu nước ta có sự phân hoá theo độ cao. Từ thấp lên cao, nước ta có ba đai khí hậu:

-Đai nhiệt đới gió mùa chân núi (miền Bắc đến độ cao 600 - 700 m, miền Nam đến độ cao 900 - 1 000 m) có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng mùa hạ đều trên 25°c. Độ ẩm và lượng mưa thay đổi tuỳ nơi.

-Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở độ cao từ 600 m đến 2 600 m (ở miền khí hậu phía Bắc) hoặc từ 900 m đến 2 600 m (ở miền khí hậu phía Nam), có mùa hạ mát với nhiệt độ trung bình các tháng mùa hạ dưới 25°c.

-Đai ôn đới gió mùa trên núi từ độ cao 2 600 m trở lên, quanh năm lạnh với nhiệt độ trung bình các tháng đểu dưới 15°c, mùa đông xuống dưới 5°c

*Nguyên nhân tạo nên sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam:*

+ Vị trí và hình dạng lãnh thổ: trong khu vực nội chí tuyến, vùng hoạt động của gió mùa châu Á, lãnh thổ trải dài theo chiều bắc - nam.

+ Ảnh hưởng của địa hình: gây ra sự phân hoá theo hướng sườn, theo độ cao và phân hoá địa phương.

**3. ẢNH HƯỞNG CỦA KHÍ HẬU**

**3.1. Ảnh hưởng của khí hậu đến tự nhiên Việt Nam**

**a.Ảnh hưởng của khí hậu đến địa hình**

-Tính chất nhiệt đới nóng, ẩm, gió mùa với nguồn nhiệt cao, độ ẩm lớn, làm cho đất đá bị phong hóa mạnh mẽ tạo nên lớp vỏ phong hóa dày, vụn bở. Tại vùng đồi núi dễ xảy ra quá trình bào mòn, địa hình bị cắt xẻ, đất dễ bị rửa trôi, xâm thực các khối núi lớn. Vùng đồng bằng xảy ra quá trình tích tự, bồi tụ, đây là hệ quả của quá trình bào mòn địa hình ở vùng núi, hình thành những đồng bằng châu thổ mở rộng ra phía đông của lãnh thổ.

- Lượng mưa lớn tập trung theo mùa đã đẩy nhanh quá trình xâm thực, làm cho đất dễ bị xói mòn vụn bở. Nước mưa hòa tan với đá vôi tạo nên dạng địa hình Kaxtơ độc đáo, hình thành những hang động kì vĩ.

- Gió mùa đông bắc lạnh khô ít mưa là một trong những nhân tố tạo nên hiện tượng suối cạn, thung khô rất điển hình ở vùng núi nước ta

**b. Ảnh hưởng của khí hậu đến sông ngòi**

- Lượng mưa lớn kết hợp với địa hình nhiều đồi núi đã tạo nên mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc.

- Nước ta có lượng mưa lớn kết hợp với nhiều sông lớn bắt ngườn từ ngoài lãnh thôt nên sông ngòi nước ta có nhiều nước.

- Mưa nhiều nhưng lượng mưa phân hóa theo mùa đã làm cho chế độ nước trên sông cũng phân theo mùa: Sông có một mùa nước đầy vào thời kì mưa nhiều (tháng V đến tháng X), một mùa nước cạn vào thời kì mưa ít (tháng XI năm trước đến tháng IV năm sau).

- Lượng mưa lớn theo mùa kết hợp với địa hình cao, nhiều đồi núi, độ dốc sông lớn tốc dộ dòng chảy mạnh làm cho sông ngòi nước ta có nhiều phù sa.

**c. Ảnh hưởng của khí hậu đến đất**

- Nền nhiệt cao, độ ẩm lớn, làm tăng cường quá trình phong hóa đất, đẩy nhanh quá trình feralis, đất feralit chiếm diện tích lớn nhất.

- Nhiệt độ kết hợp với đai cao địa hình làm cho đất của nước ta cũng có sự phân hóa theo đai cao ở vùng đồi núi:

+ Vành đai nhiệt đới (dưới 1000m): Tại vành đai này, tính chất nhiệt đới được bảo toàn, quá trình feralit diễn ra mạnh, do vậy hình thành đất feralit là chủ yếu.

+ Vành đai cận nhiệt đới: Tính chất nhiệt đới bị phá vỡ, quá trình feralit diễn ra yếu, do vậy đã hình thành đất feralit mùn.

+ Vành đai ôn đới kiểu núi cao: Tính chất nhiệt đới hầu như không còn tồn tại, quá trình feralit diễn ra rất yếu, đã hình thành mùn thô.

**d. Ảnh hưởng của khí hậu đến thực vật**

 - Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa đã tạo điều kiện thuận lợi cho tài nguyên sinh vật nước ta phát triển nhanh, năng suất cao, thế mạnh là giới sinh vật có nguồn gốc nhiệt đới.

 - Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta có sự phân hóa đa dạng dẫn đến sự phân hóa các thảm thưc vật trên cả nước cũng đa dạng:

+ Đa dạng về thành phần loài: chủ yếu là nhiệt đới do tính nhiệt đới của khí hậu quy định

 + Đa dạng về kiểu hệ sinh thái: Do tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa kết hợp với sự đa dạng của địa hình, đất, nước, … đã tạo nên sự đa dạng kiểu hệ sinh thái, trong đó có hệ sinh thái nhiệt đới gió mùa chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ, phát triển chủ yếu ở vùng đồi núi nước ta.

 + Tại những vùng đồi núi, tính chất nhiệt phân hóa theo đai cao nên hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa cũng có nhiều biến thể. Sinh vật ở vùng đồi núi cũng phân hóa theo các vành đai nhiệt:

 + Đai nhiệt đới chân núi hình thành sinh vật nhiệt đới.

 + Đai cận nhiệt hình thành các loài sinh vật cận nhiệt, ưa mát.

 + Đai ôn đới kiểu núi cao hình thành các loài sinh vật ưa lạnh.

**3.2. Ảnh hưởng của khí hậu đến các hoạt động kinh tế - xã hội**

**a. Ảnh hưởng của khí hậu đến sản xuất nông nghiệp**

**- Thuận lợi:**

+ Khí hậu nhiệt đới ẩm, với lượng nhiệt, ẩm dổi dào là điều kiện thuận lợi để cầy trồng, vật nuôi phát triển, cho phép sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm, tăng vụ, tăng năng suất.

+ Sự phần hoá khí hậu tạo nên khác biệt về mùa vụ giũa các vùng và sự đa dạng sản phẩm nông nghiệp trên cả nước.

+ Do chịu tác động của gió mùa và sự phân hoá khí hậu theo đai cao nên ngoài các cầy trổng, vật nuôi nhiệt đới, nước ta còn phát triển các cây trồng, vật nuôi cận nhiệt và ôn đới.

**- Khó khăn:** Nước ta có nhiều thiên tai gầy thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp; môi trường nóng ẩm là điều kiện thuận lợi để sâu, bệnh phát triển, ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng của nông sản.

**b. Ảnh hưởng của khí hậu đối với hoạt động dịch vụ**

**- Thuận lợi:** Khí hậu tác động trực tiếp đến sự hình thành các điểm du lịch, loại hình du lịch, mùa vụ du lịch,...

+ Ở khu vực đồi núi, sự phân hoá của khí hậu theo độ cao tạo điều kiện phát triển các loại hình du lịch như nghỉ dưỡng, tham quan, khám phá,... Các vùng núi cao có khí hậu mát mẻ quanh năm, không khí trong lành là cơ sở để tạo nên các điểm du lịch.

+ Sự phân hoá của khí hậu giữa phía Bắc và phía Nam ảnh hưởng đến mùa vụ du lịch của hai miền. Các hoạt động du lịch biển ở phía Bắc hầu như chỉ diễn ra vào mùa hạ còn ở phía Nam có thể diễn ra quanh năm.

**- Khó khăn:** Các hiện tượng thời tiết như mưa lớn, bão,... là trở ngại đối với hoạt động du lịch ngoài trời.

**4. CÁC NHÂN TỐ GÂY RA SỰ PHÂN HÓA KHÍ HẬU VIỆT NAM**

- Vị trí và hình dạng lãnh thổ: trong khu vực nội chí tuyến, vùng hoạt động của gió mùa châu Á.

- Sự hoạt động của hoàn lưu gió mùa: chủ yếu gây ra sự phân hóa theo mùa và phân hóa không gian theo chiều Bắc Nam.

- Ảnh hưởng của địa hình: gây ra sự phân hóa theo hướng sườn, theo độ cao, và phân hóa địa phương.

**Câu 1:*Dựa vào bảng 4.1, hãy nhận xét sự khác nhau về chế độ nhiệt giữa Lạng Sơn và Cà Mau?***

Lạng Sơn và Cà Mau có sự khác biệt vể chế độ nhiệt.

+ Lạng Sơn nằm ở miền khí hậu phía Bắc nền có nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất thấp hơn so với Cà Mau. Biên độ nhiệt độ năm cao.

+ Cà Mau nằm ở miền khí hậu phía Nam nên nhiệt độ trung bình năm và các tháng cao hơn so với Lạng Sơn. Biền độ nhiệt độ năm thấp.

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố khí tượng** | **Trạm** |
| **Lạng Sơn** | **Cà Mau** |
| Nhiệt độ trung bình năm (°c) | 21,3 | 27,1 |
| Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất (°c) | 27,1 | 28,5 |
| Nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất (°c) | 13,1 | 25,6 |
| Biên độ nhiệt độ năm (°c) | 14,0 | 2,9 |

***Dựa vào hình 4.2, em hãy nhận xét chế độ nhiệt và chế độ mưa ở hai trạm khí tượng Lào Cai và Sa Pa.***

1. Trạm khí tượng Lào Cai (104 m):
* Chế độ nhiệt:

Nhiệt độ trung bình năm là 22,4°C;

Nhiệt độ trung bình các tháng mùa hạ trên 25°C; tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 6, gần 28°C; tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1, khoảng 14,5°c.

* Chế độ mưa:

Lượng mưa trung bình năm là 1 765 mm;

Tháng có lượng mưa thấp nhất là tháng 1, khoảng 22 mm; tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 8, khoảng 355 mm.

1. Trạm khí tượng Sa Pa (1 583 m):
* Chế độ nhiệt:

Nhiệt độ trung bình năm là 15,5°C; nhiệt độ trung bình các tháng chủ yếu dưới 20°C;

Tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 6, khoảng 20°C;

Tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1, khoảng 9°c.

* Chế độ mưa:

Lượng mưa trung bình năm là 2 674 mm;

Tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 7, trên 480 mm;

Tháng có lượng mưa thấp nhất là tháng 12, khoảng 67 mm.

***Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện như thế nào ở các thành phần tự nhiên khác của nước ta?***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Biểu hiện** | **Nguyên nhân** |
| Địa hình | - Xâm thực mạnh ở miền đồi núi- Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông | Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa (quá trình phong hóa, xâm thực, vận chuyển mạnh) |
| Sông ngòi | - Mạng lưới sông ngòi dày đặc- Nhiều nước, giàu phù sa- Chế độ nước theo mùa | - Phong hóa mạnh, lượng mưa lớn- Lượng mưa lớn, vật liệu của xâm thực nhiều- Gió mùa, mưa theo mùa |
| Đất | - Lớp đất dày- Đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi | - Nhiệt ẩm cao nên phong hóa mạnh- Mưa nhiều, rửa trôi mạnh trên đá mẹ axit ở vùng đồi núi thấp |
| Sinh vật | Đa dạng, phong phúHệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa với các thành phần loài nguồn gốc nhiệt đới chiếm ưu thế. | Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có đường biển dài, địa hình và đất đa dạng |

 ***Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện như thế nào ở các thành phần tự nhiên khác của nước ta?***

**1. Địa hình:**

a. Ở đồi núi: xâm thưc mạnh

 -  Trên các sườn dốc mất lớp phủ thực vật, địa hình cắt xẻ: đất xói mòn, rửa trôi, trơ sỏi đá, đất trượt, đá lở…

 -  Ở vùng núi đá vôi: hình thành địa hình cacxtơ (hang động, suối cạn, thung khô…).

 - Các vùng thềm phù sa cổ: bị chia cắt thành các đồi thấp và thung lũng rộng

b. Ở đồng bằng hạ lưu sông: bồi tụ nhanh (đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long hàng năm lấn ra biển vài chục mét).

**2. Sông ngòi**

 a. Mạng lưới sông ngòi dày đặc (2360 sông, trung bình 20 km bờ biển có một cửa sông), nhưng phần lớn là sông nhỏ.

 b. Sông ngòi nhiều nước (839 tỉ m3/năm), giàu phù sa (200 triệu tấn/năm).

 c. Chế độ nước theo mùa.

-  Nhịp điệu dòng chảy sông ngòi phụ thuộc nhịp điệu mưa (mùa lũ tương ứng mùa mưa; mùa cạn tương ứng mùa khô).

 -  Chế độ mưa thất thường -> chế độ dòng chảy sông thất thường.

**3. Đất**

 a. Qúa trình hình thành đất feralit là quá trình đặc trưng của vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

 -  Do nhiệt ẩm cao, quá trình phong hoá mạnh -> lớp đất dầy.

 -  Mưa nhiều, rửa trôi các chất badơ (Ca, Mg, K) -> làm đất chua.

 -  Có sư tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm -> đât màu đỏ vàng.

 b. Qúa trình feralit diễn ra mạnh ở vùng đồi núi thấp ->nên đất feralit là loại đất chính ở vùng đôì núi nước ta.

**4. Sinh vật và cảnh quan:**

 a. Hệ sinh thái rừng đặc trưng của khí hậu nhiệt đới ẩm là rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh (rừng nguyên sinh). Hiện nay, rừng nguyên sinh còn rất ít; phổ biến là rừng thứ sinh, với các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa biến dạng khác nhau (rừng gió mùa thường xanh, rừng gió mùa nửa rụng lá, rừng thưa khô rụng lá xavan, rừng thưa khô rụng lá bụi gai hạn nhiệt đới).

 b. Sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế (thực vật: cây họ Đậu, Vang, Dầu…; động vật: công, trĩ, vẹt, khỉ, vượn, nai, hoẵng…).

 Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit là cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta.

***Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tới hoạt động sản xuất và đời sống:***

***\* Thuận lợi:***

 *- Ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp:*

 + Nền nhiệt ẩm cao, khí hậu phân mùa -> thuận lợi phát triển nông nghiệp lúa nước, tăng vụ, đa dạng hoá cây trồng- vật nuôi -> nhằm nâng cao năng suất cây trồng và kết hợp nông- lâm.

 + Tuy nhiên, thiên tai (hạn hán, lũ lụt…) và tính thất thường của thời tiết - khí hậu -> khó khăn cho sản xuất nông nghiệp (canh tác, cơ cấu cây trồng, thời vụ, dịch bệnh…)

 *-   Ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất khác và đời sống:*

 + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa -> thuận lợi phát triển nhiều ngành kinh tế khác (lâm nghiệp, thuỷ sản, giao thông, du lịch, khai thác, xây dựng…).

***\* Khó khăn:***

 - Các ngành giao thông, du lịch, công nghiệp…chịu ảnh hưởng trực tiếp của khí hậu và chế độ nước sông.

 - Độ ẩm cao -> khó khăn bảo quản máy móc, thiết bị, nông sản.

- Thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán…) -> gây tổn thất cho sản xuất, người và tài sản.

- Thời tiết thất thường (dông, lốc, mưa đá, sương muối, rét hại, khô nóng,…) -> ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.

 - Môi trường thiên nhiên dễ bị suy thoái.

 ***Đặc điểm chung của khí hậu nước ta là gì? Nét độc đáo của khí hậu nước ta thể hiện như thế nào? Nguyên nhân.***

- Đặc điểm chung của khí hậu nước ta là tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

- Nét độc đáo của khí hậu nước ta:

+ Lượng mưa lớn (1500 - 2000 mm/năm) và độ ẩm không khí lớn trên 80% -> Vì vậy khí hậu nước ta không nóng như nhiều nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và châu Phi.

 + Miền Bắc nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa đông bắc nên trong năm có một mùa đông lạnh, nhiệt độ xuống dưới 200 C trong khoảng 2 - 3 tháng -> Tính chất nhiệt đới bị phá vỡ.

- Nguyên nhân: Do vị trí địa lí của nước ta nằm trong vành đai nhiệt đới của nửa cầu Bắc, lại nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa và chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

 ***Vì sao hai loại gió mùa của nước ta lại có đặc tính trái ngược nhau như vậy.***

– Gió mùa Đông Bắc thổi từ cao áp Xi-bia, với đặc tính lạnh, khô.

– Gió mùa Tây Nam thổi từ biển vào nên ẩm, mang mưa lớn.

 ***Những nhân tố chủ yếu nào đã làm cho thời tiết, khí hậu nước ta đa dạng và thất thường.***

 – Vị trí địa lí và lãnh thổ.

 – Địa hình.

 – Hoàn lưu gió mùa.

  ***Sự thất thường trong chế độ nhiệt chủ yếu diễn ra ở miền nào? Vì sao?***

Sự thất thường trong chế độ nhiệt chủ yếu diễn ra ở miền Bắc, do nhịp độ và cường độ gió mùa tạo ra.

 ***Em hãy sưu tầm năm câu cao dao, tục ngữ nói về khí hậu – thời tiết ở nước ta hoặc ở địa phương em.***

– Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng, ngày tháng mười chưa cười đã tối.

– Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, hay vừa thì râm.

– Lúa chiêm lấp ló đầu bờ, hễ nghe tiếng sấm, phất cờ mà lên.

– Thâm đông, hồng mây, dựng mây. Ai ơi! Ở lại ba ngày hãy đi.

– Kiến đen tha trứng lên cao, Thế nào cũng có mưa rào rất to.

 – Én bay thấp, mưa ngập bờ ao, én bay cao, mưa rào lại tạnh.

 ***Trong mùa gió đông bắc, thời tiết và khí hậu Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ có giống nhau không? Vì sao?***

 – Trong mùa gió đông bắc, thời tiết và khí hậu Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộkhông giống nhau: miền Bắc chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa đông bắc tạo nên mùa đông lạnh, có mưa phùn.

– Từ Đà Nẵng trở vào, Tín phong bán cầu Bắc thổi theo hướng đông bắc chiếm ưu thế, gây mưa lớn cho vùng duyên hải Trung Bộ và là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

***Sự phân hóa khí hậu ở nước ta có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động du lịch?***

Khí hậu tác động trực tiếp đến sự hình thành các điểm du lịch, loại hình du lịch, mùa vụ du lịch,... Các hiện tượng thời tiết như mưa lớn, bão,... là trở ngại đối với hoạt động du lịch ngoài trời.

+ Ở khu vực đổi núi, sự phân hoá của khí hậu theo độ cao tạo điểu kiện phát triển các loại hình du lịch như nghỉ dưỡng, tham quan, khám phá,... Các vùng núi cao có khí hậu mát mẻ quanh năm, không khí trong lành là cơ sở để tạo nên các điểm du lịch.

+ Sự phân hoá của khí hậu giữa miền Bắc và miển Nam ảnh hưởng đến mùa vụ du lịch của hai miển. Các hoạt động du lịch biển ở miển Bắc hầu như chỉ diễn ra vào mùa hạ còn ở miền Nam có thể diễn ra quanh năm.

*--------------------------------------------*

**Bài 2.**

**THỦY VĂN VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức:**  HS cần nắm được:

 - Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông cùa một số hệ thống sông lớn.

- Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.

- Phân tích được sự phân hoá đa dạng của mạng lưới thuỷ văn Việt Nam.

- Phân tích mối quan hệ giữa đặc điểm thuỷ văn Việt Nam với các thành phẩn tự nhiên khác.

**2. Kĩ năng**

 - Rèn kỹ năng đọc, tìm mối liên hệ giữa các yếu tố đối với mạng lưới sông.

**II. NỘI DUNG**

**1. SÔNG NGÒI VIỆT NAM**

**1.1. CÁC YẾU TỐ DÒNG CHẢY CỦA SÔNG NGÒI**

- Sông ngòi là tổng thể của các dòng chảy tự nhiên trong đó dòng nước đóng vai trò quyết định. Hòa với dòng nước còn có dòng cát bùn, dòng thủy sinh vật, dòng năng lượng, dòng hóa chất…tạo nên một dòng chảy chung vừa tuần hoàn vừa đổi mới. Vì vậy cần phải khai thác, sử dụng và bảo vệ dòng chảy sông ngòi nước ta một cách tối ưu toàn bộ nguồn lợi do sông ngòi mang lại.

- Hệ thống sông: toàn bộ những sông chảy vào sông chính, cùng với sông nhánh được gọi là hệ thống sông. Hệ thống sông bao gồm một sông chính và một loạt sông nhánh của sông chính, sông nhánh của các sông nhánh…

- Những sông trực tiếp chảy vào sông chính gọi là các phụ lưu hay sông nhánh câp 1, sông nhánh chảy vào sông nhánh cấp 1 gọi là sông nhánh cấp 2,…Các phụ lưu thường tồn tại ở phần thượng lưu và trung lưu. Ngược lại, ở hạ lưu các dòng chảy tiêu nước cho dòng chính được gọi là chi lưu, cũng chia ra các chi lưu cấp 1 (từ dòng chính chảy ra), chi lưu cấp 2 (từ chi lưu cấp 1 ra)…

- Lưu vực sông: phần bề mặt Trái Đất bao gồm cả tầng đất đá, cung cấp nước cho mỗi hệ thống sông hoặc một số con sông riêng biệt gọi là lưu vực của hệ thống sông hoặc lưu vực sông. Lưu vực các con sông bao gồm cả bồn thu nước trên mặt và bồn thu nước ngầm. Ranh giới của các lưu vực sông là đường chia nước (do bồn thu nước ngầm rất khó xác định nên chủ yếu lấy theo bồn thu nước mặt).

- Lưu lượng nước: là thể tích nước chảy qua mặt cắt (tại trạm đo) trong một đơn vị thời gian (s) được tính theo công thức:

 Q = S x V

Trong đó: Q là lưu lượng nước; S là diện tích mặt cắt; V là tốc độ của dòng nước (đơn vị tính là m3/s)

**1.2. ĐẶC ĐIỂM CHUNG SÔNG NGÒI VIỆT NAM**

***a. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên đất liền***

- Theo thống kê, nước ta có 2360 con sông dài trên 10km, mật độ lưới sông trung bình 0,6km/km2, nơi có mật độ lớn là 1,5km/km2; ở vùng đồng bằng châu thổ tới 3 – 4 km/km2. Dọc bờ biển cứ 20km gặp 1 của sông.

- Sông ngòi nước ta chủ yếu là sông nhỏ và ngắn (93%) (diện tích lưu vực dưới 500km2).

- Các sông lớn như sông Hồng, sông Mê Công (Cửu Long) chỉ có phần trung và hạ lưu chảy qua lãnh thổ nước ta, tạo nên những đồng bằng rộng lớn và phì nhiêu.

***\* Nguyên nhân:***

- Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, lượng mưa lớn nên có mạng lưới sông ngòi dày đặc

 - Vì Việt Nam hẹp ngang và nằm sát biển -> chủ yếu là sông nhỏ, ngắn

 - Địa hình Việt Nam có nhiều đồi núi. Đồi núi ăn ra sát biển nên dòng chảy dốc, lũ lên rất nhanh.

*Vì sao phần lớn sông ngòi nước ta thường nhỏ, ngắn, dốc?*

- Vì Việt Nam hẹp ngang và nằm sát biển.

- Địa hình Việt Nam có nhiều đồi núi. Đồi núi ăn ra sát biển nên dòng chảy dốc, lũ lên rất nhanh.

***b. Sông ngòi chảy theo hai hướng chính là hướng tây bắc – đông nam và vòng cung***

- Hướng Tây bắc – đông nam (hướng chủ yếu) có các sông: sông Đà, sông Hồng, sông Mã, sông Cả, sông Ba, sông Tiền, sông Hậu.

- Hướng vòng cung: sông Lô, sông Gâm, sông Cầu , sông Thương, sông Lục Nam

- Các hướng khác: s.Kì Cùng (ĐN-TB), s.Đồng Nai (ĐB-TN), s.Xê-xan (Đ-T).

***Nguyên nhân:*** do địa hình có hai hướng chính là TB-ĐN và hướng vòng cung.

***c.Thủy chế sông ngòi:***

Sông ngòi nước ta có hai mùa rõ rệt là mùa lũ (70-80% tổng lượng nước cả năm) và mùa cạn.

Vào mùa lũ nước sông ngòi dâng cao và chảy mạnh. Lượng nước mùa lũ gấp hai đến ba lần, có nơi đến bốn lần lượng nước mùa cạn và chiếm 70-80% lượng nước cả năm

***d. Sông ngòi nước ta có nhiều nước và lượng phù sa lớn***

- Sông ngòi nước ta có nhiều nước:hàng năm vận chuyển tới 800 tỉ m3 nước

 - Tổng lượng phù sa lớn trên 200 triệu tấn/ năm

 - Hàm lượng phù sa lớn: trung bình có 223 gam cát bùn/m3 nước.

*Đặc điểm khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến chế độ dòng chảy của sông ngòi nước ta?*

**1.3. CÁC HỆ THỐNG SÔNG LỚN**

**9 hệ thống sông lớn** ở nước ta: sông Hồng, sông Thái Bình, sông Kì Cùng - Bằng Giang, s.Mã, s. Cả, s.Thu Bồn, s.Ba (Đà Rằng), s.Đồng Nai, s.Mê Công (Cửu Long), được phân định bằng các đường ranh giới lưu vực (đường chia nước).

- Các sông có lưu vực nhỏ (nhỏ hơn 10 000km2) có đặc điểm sau:

+ Sông ngắn, diện tích lưu vực nhỏ, độ dốc lớn

+ Đều là các sông ven biển, tập trung ở vùng ven biển Đông Bắc thuộc tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh duyên hải Miền Trung

+ Thủy chế thất thường, hay xảy ra lũ lớn.

**Một số hệ thống sông lớn:**

***a. Hệ thống sông Hồng:***

- Tiêu biểu cho khu vực sông ngòi Bắc Bộ là hệ thống s.Hồng.

- Đặc điểm mạng lưới sông:

+ Chiều dài của dòng chính là 1126 km, đoạn trung lưu và hạ lưu chảy qua nước ta dài 556 km.

+ Có hai phụ lưu chính là sông Đà và sông Lô.

+ Tất cả các phụ lưu lớn hợp với dòng chính sông Hồng tạo thành một mạng lưới sông hình nan quạt, hội tụ tại Việt Trì (Phú Thọ).

* Chế độ nước sông:

+ Có hai mùa: mùa lũ bắt đầu từ tháng ố và kết thúc vào tháng 10 phù hợp với mùa mưa, chiếm khoảng 75% tổng lượng nước cả năm; mùa cạn bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 5 năm sau, chỉ chiếm khoảng 25% tổng lượng nước cả năm.

+ Do mạng lưới sông có dạng nan quạt, nên khi mưa lớn, nước tập trưng nhanh, dễ gây lũ lụt.

***b. Hệ thống sông Thu Bồn***

- Hệ thống sông Thu Bồn là tiêu biểu cho sông ngòi Trung Bộ.

- Đặc điểm mạng lưới sông:

+ Tổng chiều dài dòng chảy chính là 205 km

+ Có 78 phụ lưu có chiểu dài trên 10 km.

+ Các sông, suối trong hệ thống sông thường ngắn và dốc, phần thành nhiều lưu vực nhỏ độc lập.

+ Mạng lưới sông có dạng nan quạt.

- Chế độ nước sông:

+ Chia làm hai mùa rõ rệt: mùa lũ diễn ra từ tháng 9 đến tháng 12 phù hợp với mùa mưa thu đông và mùa bão (chiếm khoảng 65 % tổng lượng nước cả năm); mùa cạn kéo dài từ tháng 1 đến tháng 9 (chiếm 35% tổng lượng nước cả năm).

+ Lũ tại hệ thống sông Thu Bổn lên rất nhanh và đột ngột, nhất là khi gặp mưa và bão lớn.

***c. Hệ thống sông Mê Công***

- Hệ thống sông Mê Công là là hệ thống sông lớn nhất Đông Nam Á, tiêu biểu cho sông ngòi Nam Bộ.

- Đặc điểm mạng lưới sông:

+ Chiều dài dòng chính là 4300km, chảy qua 6 quốc gia, phần chảy qua lãnh thổ Việt Nam sông dài hơn 230 km, có nhiều phụ lưu, riêng ở Việt Nam có 2*86* phụ lưu, lớn nhất là sông Srê Pôk.

+ Mạng lưới sông có hình lông chim. Hai chi lưu lớn ở Việt Nam là sông Tiền và sông Hậu, được chia ra thành nhiều sông nhỏ cùng hệ thống kênh rạch chằng chịt đổ ra biển bằng 9 cửa nên gọi là s. Cửu Long.

- Chế độ nước sông:

+ Có hai mùa: mùa lũ kéo dài từ tháng 7 đến tháng 11, chiếm khoảng 80% tổng lượng nước ca năm; mùa cạn từ tháng 12 đến tháng ố năm sau, chiếm khoảng 20% tổng lượng nước cả năm.

+ Do mạng lưới sông dạng lông chim và được điều tiết bởi hồ Tôn-lê Sáp (Cam-pu-chia) nên vào mùa lũ nước sông lên và xuống chậm.

**2. HỒ, ĐẦM**

Việt Nam có nhiều hồ, đầm tự nhiên (do có lượng mưa lớn cùng với nhiều vùng trũng có khả năng chứa nước) và nhiều hồ nhân tạo (hồ thủy lợi, hồ thủy điện, hồ điều hòa…).

 Hồ, đầm có vai trò quan trọng đối với sản xuất và sinh hoạt ở nước ta:

- Đối với sản xuất:

+ Nông nghiệp:

Các hồ, đầm nước ngọt là nguồn cung cấp nước cho trồng trọt và chăn nuôi.

Hồ, đầm là mặt nước tự nhiên để nuôi trổng, đánh bắt thuỷ sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn như đầm phá Tam Giang (Thừa Thiên Huế), đầm Thị Nại (Bình Định), hồ thủy điện Hòa Bình…

+ Công nghiệp:

Các hồ thuỷ điện (Sơn La, Hòa Bình, Ialy…) là nơi trữ nước cho nhà máy thuỷ điện.

 Hồ cung cấp nước cho các ngành công nghiệp như: chế biến lương thực - thực phẩm, khai khoáng,...

+ Dịch vụ:

Một số hồ, đầm thông với các sông, biển có giá trị về giao thông.

Nhiều hồ, đầm có cảnh quan đẹp, hệ sinh thái với tính đa dạng sinh học cao, khí hậu trong lành được khai thác để phát triển du lịch như hồ Ba Bể (Bắc Cạn), hồ Tơ Nưng (Gia Lai)…

+ Đối với sinh hoạt:

Hồ, đầm phục vụ nhu cầu nước trong sinh hoạt, là nguồn dự trữ nước ngọt lớn.

Hồ, đầm đóng vai trò đảm bảo an ninh nguồn nước, nhất là ở các khu vực có mùa khô sâu sắc.

**3. NƯỚC NGẦM**

***a. Đặc điểm:***

Nước ngầm ở nước ta là nguồn tài nguyên quý giá. Việt Nam có nguồn nước ngầm khá phong phú, phân bố khắp cả nước nhưng không đều:

* Nguồn nước ngầm phong phú nhất ở đồng bằng phù sa, đặc biệt là tại các bậc thểm phù sa cổ và các cồn cát duyên hải.
* Một số nơi ở vùng núi và cao nguyên đá vôi có lượng nước ngầm lớn do có nhiều khe nứt và hang động ngầm chứa nước; mực nước ngầm ở đây nằm rất sâu, thường trên 100 m.
* Ở các vùng núi, các cao nguyên badan cũng sẵn nguồn nước ngầm thường ở độ sâu 10 - 150 m với chất lượng tốt, phần lớn là nước ngọt, một số nơi có nước khoáng.
* Lượng nước ngầm giảm ở các bãi bổi phù sa mới (đất nhiều hạt mịn khó thấm nước), các vùng đá cuội kết, cát kết và vùng đá biến chất.
* Mực nước ngầm dao động khá rõ rệt giũa hai mùa, lên cao vào mùa mưa và hạ thấp vào mùa khô.

***b.Vai trò***

 Nước ngầm có vai trò quan trọng đối với sản xuất và sinh hoạt của con người:

- Đối với sản xuất:

+ Nông nghiệp: Nước ngầm cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (trổng trọt, chăn nuôi, nuôi trổng thuỷ sản,...) đặc biệt với các vùng khan hiếm nước mặt như Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Công nghiệp: Nước ngầm được sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp như: chế biến lương thực - thực phẩm, sản xuất giấy,...

+ Dịch vụ Một số nguồn nước nóng, nước khoáng được khai thác để chữa bệnh và phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

* Đối với sinh hoạt: Nước ngầm là nguồn nước quan trọng phục vụ cho sinh hoạt của người dân ở nước ta.
* Đặc biệt một số nước khoáng còn được sử dụng làm nước uống giải khát, chữa bệnh và phát triển du lịch.
* Tuy nhiên, nước ngầm cũng có thể làm đất bị muối hoá, gây trở ngại cho một số công trình ngầm, khai thác mỏ,...

**4. TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN NƯỚC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**

 Nước là tài nguyên quý giá của Việt Nam. Nước đã được sử dụng vào nhiều mục địch: giao thông, du lịch, sinh hoạt, tưới tiêu, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, thủy điện,… Việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước có ý nghĩa quan trọng, đó là:

* Góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cao.
* Hạn chế sự lãng phí, góp phần bảo vệ các hệ sinh thái dưới nước, bảo vệ tài nguyên nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.
* Bảo vệ các hệ sinh thái ở lưu vực sông.
* Góp phần phòng chống thiên tai (bão, lũ) trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay, vấn đề sử dụng tổng hợp tài nguyên nước càng trở nên cấp thiết hơn.

***Câu hỏi ôn tập:***

 ***Vai trò của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với thuỷ văn Việt Nam?***

-Do vị trí nằm ở rìa đông của lục địa rộng lớn cộng với hình thể hẹp ngang cho nên các lưu vực sông của nước ta đểu có một phần, thậm chí là phần lớn nằm bên ngoài lãnh thổ. Đối với các sông lớn thì diện tích lưu vực bên ngoài có thể chiếm đa số ví dụ như sông Cửu Long hơn 90%, sông Hồng hơn 50%, sông Mã 38%, sông Cả 35%, do đó dẫn đến vấn đễ khai thác và sử dụng tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên nước cần thiết phải có sự phối hợp hành động giữa các quốc gia có liên quan trong lưu vực.

-Nước ta nằm ở phía đông của bán đảo Trung Ấn, là nơi chuyển tiếp xuống vùng biển và đại dương rộng lớn cộng với hình dạng lãnh thổ hẹp và kéo dài cho nên nước ta trở thành nơi hội tụ các hệ thống sông của các quốc gia trong khu vực như hệ thống sông Mê Công, hệ thống sông Mã, hệ thống sông Hồng, hệ thống sông Cả,...

***Dựa vào Atlat Địa lí Viêt Nam và kiến thức đã hoc, hãy trình bày đăc điểm chung sông ngòi của Việt Nam?***

 ***a) Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước***

 - Có 2360 con sông dài trên 10km

 - Phần lớn sông của nước ta là sông nhỏ, ngắn và dốc.

 - Cc sông lớn thường chỉ có phần trung và hạ lưu chảy qua lãnh thổ nước ta

 ***b) Sông của nước ta chảy theo hai hướng chính: tây bắc - đông nam và hướng vòng cung***

 - Hướng tây bắc - đông nam (hướng chủ yếu): sông Hồng, sông Đà, sông Chảy, sông Cả, sông Mã, sông Ba, sông Vàm cỏ (Đông - Tây), sông Tiền, sông Hậu ...

 - Hướng vòng cung: sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Lô, sông Gâm

- Các hướng khác: Sông Kì Cùng (ĐN - TB), sông Đồng Nai (ĐB - TN), sông Xê Xan (Đ- T)

 ***c) Sông ngòi nước ta có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt***

 - Mùa lũ nước sông dâng cao, chảy mạnh, chiếm 70-80% lượng nước cả năm, thường gây lụt lội.

 - Do đặc điểm hình dạng mạng lưới sông, địa hình, địa chất nên tính chất lũ của các sông cũng khác nhau. Sông miền Bắc lũ dữ, lên nhanh, xuống nhanh, sông Miền Trung lũ lên nhanh, sông miền Nam lũ hiền, lên chậm, xuống chậm.

 - Do chế độ mưa trên mỗi lưu vực khác nhau nên mùa lũ của các sông không trùng nhau.

 ***d) Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn, nhiều nước***

 - Hàng năm vận chuyển tới 839 tỉ m3 nước

 - Tổng lượng phù sa lớn trên 200 triệu tấn/ năm

 - Hàm lượng phù sa lớn: trung bình có 223 gam cát bùn/m3 nước là nguồn tài nguyên lớn cho đời sống và sản xuất

 ***Dưa vào Atlat Địa lí Viêt Nam và kiến thức đã hoc, hãy trình bày đăc điểm hê thống sông Hồng?***

***- Đặc điểm lưu vực, hình thái:***

 ***+*** Sông Hồng bắt nguồn từ cao nguyên Vân Quý (Trung Quốc) chảy vào Việt Nam với chiều dài 1126 km và diện tích lưu vực là 143 700 km2

 ***+*** Hệ thống sông Hồng gồm dòng chính là sông Thao với nhiều phụ lưu và chi lưu trong đó 2 phụ lưu quan trọng nhất là sông Đà và sông Lô hợp tại Việt Trì tạo ra mạng lưới sông hình nan quạt.

 + Hướng chảy Tây Bắc-Đông Nam và đổ ra vịnh Bắc Bộ với cửa chính là Ba Lạt, ngoài ra có các cửa khác như Trà Lí, Lạch Giang, cửa Đáy

 ***+*** Phần thượng và trung lưu chảy qua vùng núi với độ dốc lớn, phần hạ lưu chảy trong vùng đồng bằng vì vậy lòng sông uốn khúc quanh co

***- Nguồn cung cấp nước và chế độ nước của sông***

 ***+*** Nguồn cung cấp nước chủ yếu từ nước mưa

 ***+ T***ổng lưu lượng nước lớn

 ***+*** Thủy chế: chia thành hai mùa rõ rệt: mùa lũ và mùa cạn

Mùa lũ từ tháng 6-10 chiếm khoảng hơn 70% tổng lượng nước cả năm, đỉnh lũ là tháng 8 chiếm khoảng 20% tổng lượng nước trong năm.

Mùa cạn từ tháng 11-5 chiếm gần 30% tổng lượng nước cả năm với đỉnh cạn là tháng 2 hoặc tháng 3 chiếm khoảng 2-3% tổng lượng nước trong năm.

Sự chênh lệch giữa mùa lũ và mùa cạn lớn: Tổng lượng nước trong mùa lũ lớn hơn nhiều lần trong mùa cạn, đỉnh lũ lớn gấp nhiều lần đỉnh cạn. Đặc điểm lũ: lên nhanh và rút chậm.

***- Hàm lượng phù sa lớn khoảng 200 triệu tấn/năm***

***- Giá trị:***

+ Thuận lợi: thượng và trung lưu có tiềm năng thủy điện, phần hạ lưu có giá trị cung cấp nước, phát triển giao thông thủy, bồi đắp phù sa, nuôi trồng thủy sản .

+ Khó khăn: lũ quét, bồi lắng hồ chứa, ..

 ***Dựa vào bảng số liệu sau hãy nhận xét chế độ nước của hệ thống sông Hồng và Cửu Long?***

 Lưu lượng dòng chảy của sông Hồng (Sơn Tây), sông Cửu Long (Mĩ Thuận)

(Đơn vị: m3/s)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |
| Sông Hồng | 1318 | 1100 | 914 | 1071 | 1893 | 4692 | 7986 | 9246 | 6690 | 4122 | 2813 | 1746 |
| Sông CửuLong | 13570 | 6840 | 1570 | 1638 | 2920 | 10360 | 18860 | 21400 | 27500 | 29000 | 22000 | 23030 |

**\* *Sông Hồng***

- Tổng lưu lượng nước tương đối lớn: 43591 *(m3/s)*

- Sự phân mùa lũ - cạn:

 + Mùa lũ: Thời gian từ tháng VI đến tháng X, với tổng lượng nước 32736 m3/s chiếm 75,1% tỉ lệ lưu lượng nước cả năm, tháng lớn nhất là tháng VIII đạt 9246 m3/s (21,21 % lượng nước cả năm)

 + Mùa cạn: Thời gian từ tháng XI đến tháng V, với tổng lượng nước 10855 m3/s chiếm 24,9% tỉ lệ lưu lượng nước cả năm, tháng thấp nhất là tháng III (chiếm 2,1 % lưu lượng nước cả năm)

- Mức độ tương phản hai mùa lũ - cạn khá sâu sắc: lưu lượng nước mùa lũ gấp 3,01 lần mùa cạn (tháng lũ lớn nhất gấp 10,12 lần lưu lượng tháng kiệt nhất)

***\* Sông Cửu Long***

- Lưu lượng nước sông Cửu Long lớn (tổng 178688 m3/s)

- Sự phân mùa của chế độ thuỷ văn: có một mùa lũ và một mùa cạn

+  Mùa lũ: kéo dài 6 tháng (VII - XII), với tổng lượng nước 141790m3/s, chiếm gần 80% lưu lượng cả năm, tháng đỉnh lũ là tháng X với lưu lượng nước trung bình đạt 29000 m3/s (16,2% lượng nước cả năm).

+ Mùa cạn: từ tháng I - VI, chiếm 20% lưu lượng nước cả năm, tháng kiệt nhất là tháng III (lưu lượng nước chỉ đạt 1570 m3/s chiếm 0,9% lượng nước cả năm).

- Sự chênh lệch lượng dòng chảy giữa 2 mùa cao (lưu lượng nước mùa lũ gấp 4 lần mùa cạn), tháng đỉnh lũ gấp 18,5 lần tháng kiệt nhất.

Kết luận: chế độ nước đơn giản với 1 mùa lũ và một mùa cạn

 ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy trình bày đặc điểm hệ thống sông Cửu Long***

 ***Giải thích các đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam?***

- Khái quát các đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam

- Nước ta có lượng mưa lớn trên địa hình chủ yếu là đồi núi và bị cắt xẻ mạnh, sườn dốc lớn nên mạng lưới sông ngòi dày đặc.

- Lãnh thổ hẹp ngang, nằm sát biển nên phần lớn sông đều nhỏ, ngắn.

- Địa hình nước ta có nhiều đồi núi, đồi núi ăn ra sát biển. Sông thường bắt nguồn từ vùng đồi núi phía tây đổ ra các đồng bằng ven biển phía đông nên dòng chảy dốc, lũ lên rất nhanh

- Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa

+ Sông ngòi nước ta nhiều nước do có lượng mưa lớn, hơn nữa nước ta lại nhận được một lượng nước lớn bên ngoài lãnh thổ.

+ Giàu phù sa do hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở khu vực đồi núi.

- Chế độ nước thất thường (thuỷ chế theo mùa)

+ Nhịp điệu dòng chảy theo sát nhịp điệu mùa của khí hậu: mùa lũ tương ứng với mùa mưa và mùa cạn tương ứng với mùa khô.

+ Tính thất thường trong chế độ mưa quy định tính thất thường trong chế độ nước sông.

-  Đại bộ phận sông ngòi Việt Nam chảy theo hướng tây bắc - đông nam và tất cả các sông đều đổ ra Biển Đông do qui định của hướng cấu trúc địa hình và địa thế thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

 ***Tại sao chế độ nước sông Mê Kông điều hòa hơn chế độ nước sông Hồng?***

***-      Khái quát về hai hệ thống sông: ....***

***-      Giải thích:***

+ Chế độ mưa, diện tích lưu vực: Sông Hồng ngắn hơn sông Mê Kông, diện tích lưu vực của sông Hồng nhỏ hơn diện tích lưu vực sông Mê Kông; lưu vực sông Hồng nằm gần trọn một chế độ khí hậu mưa mùa, trong khi đó lưu vực sông Mê Kông nằm ở các vùng khí hậu khác nhau. Do đó, lưu vực sông Hồng nhận được lượng mưa trong cùng thời gian, trong khi đó lưu vực sông Mê Kông nhận được lượng mưa rải đều trong năm nên chế độ nước của sông Mê Kông điều hoà hơn sông Hồng (sông Hồng và sông Mê Kông đều nhận nguồn tiếp nước chủ yếu là nước mưa)

+ Địa thế: Sông Hồng dốc hơn sông Mê Kông (lòng sông Hồng chảy thẳng, sông Mê Kông chảy uốn khúc quanh co...) nên nước ở sông Hồng lên nhanh, rút nhanh hơn sông Mê Kông.

+ Thảm thực vật: Thảm thực vật ở lưu vực sông Hồng bị tàn phá nhiều, trong khi đó ở lưu vực sông Mê Kông thảm thực vật còn khá lớn (phần trung lưu chảy qua nước Lào diện tích rừng còn nhiều), vì vậy khi nước mưa rơi xuống trong thời gian ngắn được đổ dồn xuống lòng sông Hồng, còn ở lưu vực sông Mê Kông nước mưa xuống tới mặt đất, một phần bị lớp thảm thực vật giữ lại, một phần theo các rễ cây thấm xuống đất nên dòng sông Mê Kông điều hoà hơn sông Hồng.

+ Hồ, đầm: Sông Mê Kông có biển Hồ có tác dụng điều hoà chế độ nước sông.

+ Hình thái mạng lưới sông dạng lông chim, mạng lưới kênh rạch chằng chịt;

Sông Mê Kông có 9 cửa sông đổ nước ra biển còn sông Hồng có 3 cửa sông đổ ra biển...

 ***Tại sao mực nước lũ ở các sông miền Trung nước ta thường lên rất nhanh?***

 -      Lượng mưa lớn tập trung trong thời gian ngắn

 -      Hình thái sông ngòi nhỏ, ngắn, dốc

 -      Sông trong nội địa, diện tích lưu vực nhỏ

 -      Rừng đầu nguồn nhiều nơi bị tàn phá

 -      Yếu tố khác: nhiều hồ thủy điện xả lũ cùng lúc, bão, áp thấp.

 ***Vì sao mật độ sông ngòi của Đồng bằng sông Cửu Long nước ta lớn?***

- Khí hậu: lượng mưa lớn trung bình > 1500 mm

- Địa hình đồng bằng sông chảy quanh co uốn lượn

- Tác động của con người như xây dựng hệ thống mương máng, kênh đào chằng chịt...

 ***Tại sao thời gian gần đây tổng lượng phù sa của sông ngòi nước ta giảm đi so với những năm 80, 90 của thế kỉ trước? (hiện nay khoảng 200 triệu tấn/năm so với trước khoảng 300 triệu tấn/năm).***

- Phù sa của sông ngòi do quá trình rửa trôi, xói mòn đất ở vùng trung du và miền núi sau đó tích tụ lại ở những vùng trũng thấp (ven sông, vùng đồng bằng ven biển)

- Trước kia phù sa nhiều do hậu quả của việc phá rừng bừa bãi nên thúc đẩy quá trình rửa trôi, xói mòn đất ở trung du và miền núi. Sau đó, nước ta đã tích cực trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, ... nên quá trình phá hủy đất ở miền núi bị giảm dần nên lượng phù sa cũng giảm đi.

- Việc xây dựng các hồ chức nước ở thượng nguồn làm lắng đọng phù sa ...

 ***Ở lưu vực của sông nước ta, rừng phòng hộ thường được trồng ở đâu? Vì sao?***

Thực vật ở lưu vực sông cũng góp phần điều hòa chế độ nước của sông. Khi nước mưa rơi xuống, một phần lượng nước khá lớn được giữ lại ở tán cây, phần còn lại khi xuống tới bề mặt đất một phần được lớp thảm mục giữ lại, một phần len lỏi qua các rễ cây thấm dần xuống đất tạo nên các mạch nước ngầm, điều hòa dòng chảy cho sông ngòi, giảm lũ lụt.

Rừng phòng hộ thường được trồng ở đầu nguồn các con sông để ngăn bớt nước dồn xuống sông khi có mưa lớn, tăng nguồn nước ngầm để cung cấp nước cho sông vào mùa khô

***Vì sao ”sống chung với lũ” là cách ứng xử tốt nhất đối với tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long?***

Lũ ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do hệ thống sông Cửu Long mang lại trong mùa mưa.

- Sông Cửu Long dài, diện tích lưu vực lớn, dạng lông chim nên tập trung nước, tổng lượng nước lớn, có hồ Tônlêxap điều tiết nước, nên lũ tương đối điều hòa và kéo dài trong nhiều tháng.

- Từ lâu đời, người dân đã thích ứng với mùa lũ. Mùa lũ mang lại nhiều lợi ích như: tôm, cá, phù sa ngọt, nước ngọt rửa phèn, mặn trong đất,.... Đã từ lâu, các tập quán sản xuất, ngành nghề, giống cây trồng và nếp sống của người dân được định hình.

- Do địa thế thấp, địa hình bằng phẳng, nền vật liệu vụn bở, lượng nước tập trung quá lớn trong mùa lũ và tác động của thủy triều, nên ở đồng bằng sông Cửu Long khó có thể đắp đê dọc theo các hệ thống sông, chỉ có thể đắp đê bao theo từng vùng.

***Thuận lợi và khó khăn do nước lũ gây ra ở đồng bằng sông Cửu Long?***

***a. Thuận lợi:***

 - Thau chua, rửa mặn đất đồng bằng

 - Bồi đắp phù sa tự nhiên, mở rộng diện tích đồng bằng.

 - Du lịch sinh thái trên kênh rạch và rừng ngập mặn.

 - Giao thông trên kênh rạch

***b. Khó khăn:***

 - Gây ngập lụt trên diện rộng và kéo dài.

 - Phá hoại nhà cửa, vườn tược, mùa màng.

 - Gây ra dịch bệnh do ô nhiễm môi trường.

 - Làm chết người, gia súc...

***Để sống chung cùng lũ ở đồng bằng sông Cửu Long lâu dài, bền vững cần phải làm gì?***

**-** Chủ động, sẵn sàng vật tư, phương tiện, lương thực, thực phẩm, thuốc men trước mùa lũ.

 - Xây dựng cơ cấu kinh tế và nếp sống phù hợp môi trường sinh thái ngập lũ theo mùa.

 - Xây dựng các công trình phân lũ, thoát lũ nhanh.

 - Xây dựng khu tập trung dân cư an toàn có kiến trúc phù hợp (nhà nổi, làng nổi).

 - Phối hợp hoạt động với các nước trong Ủy ban sông Mê Công để dự báo chính xác và sử dụng hợp lí các nguồn lợi sông Mê Công.

***Nêu cách phòng chống lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long?***

|  |  |
| --- | --- |
| **Đồng bằng sông Hồng** | **Đồng bằng sông Cửu Long** |
| - Đắp đê lớn phòng lụt- Tiêu lũ theo sông nhánh và ô trũng- Bơm nước từ đồng ruộng ra sông | - Đắp đê bao hạn chế lũ nhỏ- Tiêu lũ ra vùng biển phía tây theo các kênh rạch- Làm nhà nổi, làng nổi.- Xây dựng làng tại các vùng đất cao, hạn chế tác động của lũ. |

 ***Tại sao trong những năm gần đây hiện tượng ngập lụt ở đồng bằng sông Hồng hầu như không còn?***

Lưu ý: Cần phân tích được các nhân tố làm lũ sông Hồng lên nhanh, rút chậm. Xem xét sự thay đổi của các nhân tố ấy theo thời gian nhất là các nhân tố góp phần làm chế độ nước điều hòa hơn (hồ, lớp phủ thực vật ...) và hệ thống các công trình ngăn lũ.

- Những năm gần đây ngập lụt ở đồng bằng sông Hồng hạn chế và hầu như không có là do các trình thủy điện được xây dựng trên hệ thống sông Hồng nhất là Sông Đà

- Hệ thống tưới tiêu thuỷ lợi xây dựng hợp lí

- Đê điều bao bọc song song các dòng sông, ....

 ***Việc xây dựng các đập thủy điện trên sông có tác động như thế nào đến kinh tế xã hội và môi trường - tự nhiên nước ta?***

- Tích cực: tạo năng lượng điện với giá rẻ phục vụ sản xuất và sinh hoạt, các hồ chứa sử dụng được tổng hợp tài nguyên nước (ngăn lũ, tưới ruộng, nuôi thủy sản, du lịch), giải quyết được một phần việc làm cho người lao động

- Tiêu cực: giải quyết nhiều vấn đề phức tạp như việc tái định cư dân chúng sống trong vùng hồ chứa, các đập thủy điện gây phá vỡ sự cân bằng của hệ sinh thái xung quanh, ảnh hưởng đến môi trường của dòng sông bên dưới, ...

Việc xây đập tại vị trí địa lý không hợp lý hoặc không đảm bảo chất lượng có thể gây ra những thảm hoạ như vỡ đập.

***Tìm hiểu việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông của nước ta?***

 Hệ thống sông Mê Công là một trong hai hệ thống sông lớn nhất ở nước ta.

 Nguồn nước sông Mê Công có ý nghĩa lớn đối với sản xuất và đời sống do được sử dụng vào nhiều mục đích như: giao thông đường thuỷ, nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản, du lịch, cung cấp nước cho sản xuất và đời sống,... Tuy nhiên, việc sử dụng đó gặp không ít trở ngại do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đặc biệt là những hoạt động của các quốc gia phía thượng nguồn như việc xây dựng các đập thuỷ điện đã khiến hạ nguồn sông Mê Công cạn kiệt, ô nhiễm, nguồn thuỷ sản suy giảm, đe doạ cuộc sống của hàng chục triệu người dân.

 Những khó khăn trêm được giải quyết nhờ sử dụng tổng hợp tài nguyên nước:

 -Thay đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với tình trạng hạn, thích hợp với các loại đất khác nhau, tránh tình trạng độc canh lúa nước.

 -Điều tiết tối ưu các hồ chứa ở Tây Nguyên để góp phần duy trì dồng chảy ổn định vào Đồng bằng sông Cửu Long,...

 - Cải tạo, mở rộng hệ thống kênh, rạch vừa góp phần đảm bảo nước cho sinh hoạt và sản xuất, vừa phòng chống thiên tai.

--------------------------------------------------------------

**Bài 3.**

**TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐỐI VỚI KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức: HS cần nắm được:

-Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam.

- Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta.

2. Kĩ năng

- Rèn kỹ năng phân tích, so sánh các số liệu.

- Tìm hiểu mối liên hệ giữa các hiện tượng địa lí

**II. NỘI DUNG**

Việt Nam là một trong năm quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất bởi biến đổi khí hậu toàn cầu. Biến đổi khí hậu có tác dđộng trực tiếp đến khí hậu, thủy văn, từ đó tác động đến đời sống và các hoạt động sản xuất.

**1.Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu**

 Biến đổi khí hậu làm thay đổi các yếu tố khí hậu ở nước ta:

1. ***Biến đổi về nhiệt độ:***

 Nhiệt độ trung bình năm có xu thế tăng trên phạm vi cả nước, với mức tăng trung bình toàn Việt Nam là 0,89°c trong giai đoạn 1958 - 2018, nhìn chung có xu hướng tăng nhẹ.

1. ***Biến đổi về lượng mưa:***

 Tính trung bình trên phạm vi cả nước, tổng lượng mưa năm có sự biến động trong giai đoạn 1958 - 2018, nhìn chung có xu hướng tăng nhẹ.

1. ***Gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan:***

 Gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan như: mưa lớn, bão, rét đậm, rét hại,... Số ngày nắng nóng có xu thế tăng trên phạm vi cả nước; số ngày rét đậm, rét hại có biến động mạnh qua các năm; số cơn bão mạnh có xu thế tăng lên; mùa mưa có nhiều trận mưa lớn, thời gian kéo dài xảy ra ở nhiều vùng nước ta gây lũ quét, ngập lụt. Nhìn chung, biến đổi khí hậu đã khiến thời tiết trở nên khắc nghiệt hơn.

**2. Tác động của biến đổi khí hậu đối với thuỷ văn**

Biến đổi khí hậu có tác động lớn đến thủy văn nước ta, đặc biệt tới lưu lượng nước và chế độ nước sông.

- Do tổng lượng mưa trung bình năm có sự biến động làm lưu lượng nước sông cũng biến động theo.

- Sự chênh lệch lưu lượng nước giữa mùa lũ và mùa cạn gia tăng. Vào mùa lũ do số ngày mưa lớn gia tăng nên tình trạng lũ quét ở miển núi và ngập lụt ở đổng bằng ngày càng trầm trọng hơn. Vào mùa cạn, ở một số lưu vực sông (sông Kỳ Cùng, sông Ba, sông Thu Bổn, sông Đổng Nai,...) lưu lượng nước có xu thế giảm, làm tăng nguy cơ thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất vào mùa khô ở các địa phương trong lưu vực.

**3. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu**

 Biến đổi khí hậu tác động mạnh mẽ đến đời sống và sản xuất, đe dọa sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội đất nước.

Để ứng phó với biến đổi khí hậu hiệu quả cần kết hợp đồng bộ các giải pháp giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

* Biện pháp giảm nhẹ biến đổi khí hậu:

+ Sử dụng tiết kiệm năng lượng, sử dụng các thiết bị điện tiêu hao ít năng lượng,tắt điện khi không sử dụng, sử dụng phương tiện giao thông công cộng, đi xe đạp..

+ Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo: năng lượng mặt trời, gió, sức nước…

+ Sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước.

+ Bảo vệ rừng, trồng và bảo vệ cây xanh tạo môi trường trong lành.

+ Giảm thiểu và xử lí rác thải, chất thải: phân loại rác, bỏ rác đúng nơi quy định,...

- Biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu:

+Trong sản xuất nông nghiệp: thay đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi; nghiên cứu các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với bối cảnh biến đổi khí hậu; nâng cấp hệ thống thuỷ lợi để cung cấp nước vào mùa khô, hạn chế tác động của xâm nhập mặn,...

+Trong công nghiệp: ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ vào quy trình sản xuất để vừa tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vừa tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt,...

+ Trong dịch vụ: cải tạo, tu bổ và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông; nghiên cứu tạo ra các loại hình, sản phẩm du lịch phù hợp với biến đổi khí hậu ở địa phương,...

+ Với mỗi cá nhân cần tìm hiểu kiến thức vể biến đổi khí hậu, hình thành ý thức thích ứng với biến đổi khí hậu, rèn luyện các kĩ năng ứng phó với thiên tai (bơi lội, phòng điện giật khi mưa lũ,...), tích cực tham gia vào các phong trào hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu của cộng đồng và địa phương,...

***Câu hỏi ôn tập***

Phân tích những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở nước ta?

Phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với thủy văn Việt Nam?

Phân tích những biện pháp để ứng phó hiệu quả vói biến đổi khí hậu ở nước ta?

Vẽ sơ đồ thể hiện tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam?

**CHUYÊN ĐỀ 4.**

**THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức:**  HS cần nắm được:

* Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng
* Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính
* Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam
* Đặc điểm chung của sinh vật
* Vấn đề bảo tổn đa dạng sinh học ở Việt Nam

  **2. Kĩ năng**

 - Phân tích bản đồ nhận xét và rút ra kết luận đặc điểm số lượng và sự phân bố các loại đất nước ta.

- Xác định mối quan hệ giữa vị trí địa lí, lãnh thổ, địa hình khí hậu với động – thực vật.

**II. NỘI DUNG**

**1. TÀI NGUYÊN ĐẤT VIỆT NAM**

**1.1. Tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng**

- Khí hậu nóng ẩm của nước ta đã làm cho quá trình phong hoá đá mẹ diễn ra mạnh mẽ tạo ra một lớp phủ thổ nhưỡng dày.

- Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng ở nước ta, hình thành các loại đất feralit điển hình cho thổ nhưỡng Việt Nam. Đất có đặc điểm nghèo mùn, chua.

- Tính chất phần mùa của khí hậu Việt Nam với sự xen kẽ giữa hai mùa khô và mưa đã làm tăng cường quá trình tích luỹ ôxít sắt, ôxít nhôm tạo thành các tầng kết von hoặc đá ong ở vùng trung du, miển núi.

- Lượng mưa lớn lại tập trung vào mùa mưa làm gia tăng hiện tượng xói mòn, rửa trôi ở vùng đổi núi Đất bị xói mòn, rửa trôi sẽ theo các dòng chảy ra sông ngòi và bổi tụ ở vùng đồng bằng hình thành đất phù sa.

**1.2. Ba nhóm đất chính**

***a. Nhóm đất feralit:*** – Hình thành trực tiếp trên các miền đồi núi thấp, chiếm 65% diện tích tự nhiên (khoảng 16 triệu ha).

 – Phân bố: Phân bố ở các tỉnh trung du và miền núi, từ độ cao khoảng 1 600 - 1 700 m trở xuống (đất feralit trên đá badan ở Tây Nguyên. Đông Nam Bộ; đất feralit trên đá vôi ở Đông Bắc, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ…)
 – Đặc điểm:

+ Có màu đỏ vàng do chứa nhiều ôxít sắt và ôxít nhôm.

+ Lớp vỏ phong hoá dày, đất thoáng khí, thoát nước, đất chua, nghèo các chất badơ và mùn.

– Giá trị sử dụng:

+ Trong lâm nghiệp: Đất feralit thích hợp để phát triển rừng sản xuất.

+ Trong nông nghiệp: Đất feralit được khai thác và sử dụng chủ yếu để trồng các loại cầy công nghiệp lâu năm, cây dược liệu và các loại cây ăn quả.
***b Nhóm đất phù sa:***

- Hình thành do phù sa sông, biển bồi đắp, chiếm 24% diện tích đất tự nhiên (khoảng 3 triệu ha).

 - Phân bố: tập trung tại các đồng bằng lớn, nhỏ từ bắc vào nam. Rộng lớn và phì nhiêu nhất là đồng bằng sông Cửu Long (40 000 km2) và đồng bằng sông Hồng (15 000 km2).
 – Đặc điểm:

+ Nhìn chung, đất phù sa có độ phì cao, rất giàu chất dinh dưỡng.

+ Đất phù sa ở đổng bằng sông Hổng ít chua, tơi xốp, giàu chất dinh dưỡng. Đất phù sa ở đồng bằng sông Hồng có thể chia thành 2 loại chính là đất ngoài đê (đất bãi bồi) được bồi đắp hàng năm và đất trong đê không được phù sa bồi đắp hàng năm.

+ Đất phù sa ở dải đổng bằng ven biển miền Trung có độ phì thấp hơn, nhiều cát, ít phù sa sông.

+ Đất phù sa ở đồng bằng sông Cửu Long gồm: đất phù sa ngọt có độ phì cao, phân bố thành một dải dọc sông Tiền và sông Hậu; đất phèn phân bố tập trung ở Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên và vùng trung tâm bán đảo Cà Mau; và đất mặn phân bố ở ven biển.

– Giá trị sử dụng:

+ Trong nông nghiệp: Đất phù sa thích hợp trồng cây lương thực (lúa, ngô, khoai,...), cây công nghiệp ngắn ngày (dầu tằm, thuốc lá, bông,...) và cây ăn quả.

+ Trong thuỷ sản: Đất phù sa ở các vùng cửa sông ven biển có nhiều lợi thế để phát triển ngành thuỷ sản;

 Vùng đất phèn, đất mặn: đánh bắt thuỷ sản.

 Ở các rừng ngập mặn ven biển, các bãi triều ngập nước và ở cửa sông lớn thuận lợi cho nuôi trổng nhiều loại thuỷ sản nước lợ và nước mặn.

c. ***Nhóm đất mùn trên núi*** – Hình thành dưới thảm rừng nhiệt đới hoặc ôn đới vùng núi cao, chiếm 11% diện tích tự nhiên
 – Phân bố: Địa hình núi cao khoảng từ 1600 - 1700m trở lên (Hoàng Liên Sơn, Chư Yang Sin).

 - Đặc điểm: Đất xốp, giàu mùn, màu đen hoặc nâu, tầng đất mỏng.

 - Giá trị: Phát triển lâm nghiệp để bảo vệ rừng đầu nguồn.

**1.3. Tinh cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất**



**2. SINH VẬT VIỆT NAM**

**2.1. Sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam**

Việt Nam là quốc gia có tính đa dạng sinh học cao nhất thế giới.

1. ***Sự đa dạng về thành phần loài, gen di truyền:***

-Số loài rất lớn: có hơn 50 000 loài đã được xác định. Trong đó, thành phần bản địa chiếm khoảng 50%.

+ Có nhiều loài thực vật quý hiếm (trẩm hương, trắc, sâm Ngọc Linh, gõ đỏ, nghiến, cẩm lai, vàng tầm, gụ,...).

+ Nhiều loài động vật quý hiếm (sao la, voi, bò tót, hươu xạ, voọc, trĩ, công,...).

- Số lượng cá thể trong mỗi loài tương đối phong phú, tạo nên sự đa dạng về nguồn gen di truyền.

***b. Sự đa dạng vể kiểu hệ sinh thái:***

Các hệ sinh thái ở nước ta rất phong phú và đa dạng, bao gồm các hệ sinh thái tự nhiên trên cạn, các hệ sinh thái tự nhiên dưới nước và các hệ sinh thái nhân tạo.

-Các hệ sinh thái tự nhiên trên cạn bao gồm các kiểu hệ sinh thái rừng khác nhau, phổ biến nhất là rừng mưa nhiệt đới, rừng nhiệt đới gió mùa với lớp phủ thực vật rậm rạp nhiều tầng, thành phần loài phong phú.

Ngoài ra, còn có các hệ sinh thái trảng cỏ cây bụi, rừng cận nhiệt, rừng ôn đới núi cao,...

-Các hệ sinh thái tự nhiên dưới nưóc bao gồm hệ sinh thái nước mặn và hệ sinh thái nước ngọt.

+ Các hệ sinh thái nước mặn (bao gồm cả vùng nước lợ) điển hình là rừng ngập mặn, cỏ biển, rạn san hô, đầm phá ven biển,... và hệ sinh thái biển chia thành các vùng nước theo độ sâu.

+ Các hệ sinh thái nước ngọt ở sông, suối, hồ, ao, đầm.

-Các hệ sinh thái nhân tạo hình thành do hoạt động sản xuất nông, lầm nghiệp, thuỷ sản cũng rất đa dạng như hệ sinh thái đồng ruộng, vùng chuyền canh,...; hệ sinh thái nuôi trổng thuỷ sản; rừng trồng,... ngày càng mở rộng, chiếm khoảng 1/4 diện tích lãnh thổ.

**2.2. Tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam**

***a.Hiện trạng:***

 -Suy giảm số lượng cá thể, loài sinh vật ở mức nghiêm trọng. Một số loài thực vật, động vật có nguy cơ tuyệt chủng như các loại gỗ quý (đinh, lim, sến, táu…); nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm (voi, hổ, bò tót, tê giác một sừng, sao la…).

 -Suy giảm hệ sinh thái:

 + Hầu hết các hệ sinh thái rừng nguyên sinh trên đất nước ta bị tàn phá, chỉ còn chủ yếu là rừng thứ sinh.

 + Các hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái biển cũng đứng trước nguy cơ bị tàn phá bởi con người.

 -Suy giảm nguồn gen: việc suy giảm số lượng cá thể cộng với sự suy giảm số lượng loài đã làm suy giảm nguồn gen..

***b.Nguyên nhân:***

-Nguyên nhân tự nhiên: Biến đổi khí hậu với những hậu quả như bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng,... làm suy giảm đa dạng sinh học nhanh hơn, trầm trọng hơn, đặc biệt là với hệ sinh thái rừng và hệ sinh thái ven biển

- Nguyên nhân con người:

+ Khai thác lâm sản đốt rừng làm nương rẫy.

+ Nạn du canh du cư, sử dụng động - thực vật hoang dã cho nhu cầu đời sống.

+ Đánh bắt thuỷ sản quá mức.

+ Ô nhiễm môi trường do chất thải sinh hoạt và sản xuất.

+ Sự xâm nhập của các loài ngoại lai,...

***c.Biện pháp:***

-Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia nhằm bảo vệ và khôi phục một số hệ sinh thái tự nhiên, rừng nguyên sinh và động, thực vật quý hiếm.

-Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng tự nhiên - nơi sinh sống của nhiều loài sinh vật.

-Ngăn chặn nạn phá rừng, săn bắt động vật hoang dã trái phép, khai thác và đánh bắt thuỷ sản quá mức.

-Xử lí các chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường sống của các loài sinh vật.

-Nâng cao ý thức của người dân vể bảo vệ đa dạng sinh học.

***Câu hỏi ôn tập***

 ***So sánh ba nhóm đất chính của nước ta về đặc tính, sự phân bố và giá trị sử dụng.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nhóm đất | Đặc tính chung | Phân bố | Giá trị sử dụng |
| Đất Feralit (65% diện tích lãnh thổ) | - Chứa ít mùn, nhiều sét.- Nhiều hợp chất sắt, nhôm nên màu đỏ, vàng.- Dễ bị kết von thành đá ong | - Vùng núi đá vôi phía Bắc.- Đông Nam Bộ, Tây Nguyên. | Rất thích hợp nhiều loại cây công nghiệp nhiệt đới. |
| Đất mùn núi cao (11% diện tích lãnh thổ) | - Xốp, giàu mùn, màu đen hoặc nâu. | - Địa hình núi cao trên 2000m (Hoàng Liên Sơn, Chư Yang Sin). | Phát triển lâm nghiệp để bảo vệ rừng đầu nguồn. |
| Đất bồi tụ phù sa sông và biển (24% diện tích lãnh thổ). | - Tơi xốp, ít chua, giàu mùn, giữ nước tốt.- Dễ canh tác, độ phì cao. | - Tập trung châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long.- Các đồng bằng khác. | Là đất nông nghiệp chính, thích hợp với nhiều loại đất cây trồng, đặc biệt cây lúa nước. |

***Giải thích tại sao đất ở nước ta đa dạng và phức tạp?***

- Hình thành từ tác động tổng hợp của nhiều nhân tố như đá mẹ, khí hậu, sinh vật, sự tác động của con người, …

- Nước ta có nhiều đồi núi lại nằm ven biển với nhiều đồng bằng lớn nhỏ, nham thạch và địa hình khác nhau. Nhiều khí hậu địa phương, nhiều chế độ nước, nhiều hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo. Riêng khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm với lượng mưa dồi dào đã phát sinh nhiều quá trình hình thành đất như phong hóa hóa học, quá trình feralit, quá trình phân giải chất hữu cơ, quá trình mài mòn, rửa trôi… cộng vào đó là quá trình sử dụng và cải tạo đất hàng nghìn năm của con người.

***Vì sao thổ nhưỡng nước ta lại mang tính chất nhiệt đới gió mùa?***

***Chứng minh rằng đất của nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa?***

 ***Phân tích đặc điểm và giá trị sử dụng của nhóm đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp?***

 ***Phân tích đặc điểm và giá trị sử dụng của nhóm đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản?***

 ***Chứng minh tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất ở nước ta?***

 ***Chứng minh sự đa dạng của sinh vật Việt Nam?***

 ***Chứng minh tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam?***

***Cho bảng số liệu sau:***

**DIỆN TÍCH RỪNG TỰ NHIÊN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1943-2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1943** | **1983** | **2020** |
| Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha) | 14,3 | 6,8 | 10,3 |

***Hãy nhận xét sự biến động diện tích rừng tự nhiên của Việt Nam giai đoạn 1943 – 2020?***

 *-Gợi ý:*

 Diện tích rừng tự nhiên của nước ta giai đoạn 1943 - 2020 có sự biến động. Cụ thể:

- Giai đoạn 1943 - 1983: Diện tích rừng giảm mạnh (hơn 50%), từ 14,3 triệu ha (1943) xuống còn 6,8 triệu ha (1983).

- Giai đoạn 1983 - 2020: Diện tích rừng tăng khoảng 3,5 triệu ha, từ 6,8 triệu ha (1983) tăng lên 10,3 triệu ha (2020).

Nhìn chung trong giai đoạn 1943 - 2020, diện tích rừng tự nhiên của nước ta có xu hướng giảm do tình trạng phá rừng làm nương rẫy, khai thác rừng quá múc,... Tuy nhiên, diện tích rừng tự nhiên trong những năm gần đây đang dần được mở rộng nhờ vào các chính sách bảo vệ và trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc,...

 ***Vì sao nước ta có hệ sinh vật phong phú, đa dạng?***

Sự phong phú và đa dạng của giới sinh vật Việt Nam do những nhân tố sau đây:

 ***a.Môi trường sống của Việt Nam thuận lợi:***

 - Khí hậu: Với ánh sáng dồi dào, nhiệt độ cao, lượng mưa dồi dào mà sinh vật phát triển phong phú và đa dạng. Tùy theo đặc điểm khí hậu tại các khu vực mà phân hóa thành nhiều kiểu rừng khác nhau:

 +Những nơi có lượng mưa dồi dào thì có kiểu rừng rậm á xích đạo và rừng nhiệt đới thường xanh quanh năm.

 +Những nơi khí hậu có hai mùa khô và mùa mưa thì xuất hiện kiểu rừng thưa, rừng rụng lá theo mùa.

 +Những nơi có lượng mưa ít, mùa khô kéo dài thì xuất hiện các cây thấp, xa van và truông gai như Ninh Thuận, Bình Thuận…

 ***- Địa hình:*** Nước ta đồi núi chiếm ¾ diện tích lãnh thổ, ở vùng núi thực vật có sự phân hóa theo đai cao như xuất hiện các rừng rậm á xích đạo và nhiệt đới ở vùng núi thấp; rừng á nhiệt đới và ôn đới trên núi cao.

 ***- Thủy văn và thổ nhưỡng:*** Với mạng lưới sông ngòi dày đặc; tầng đất sâu, dày vụn bở đã hình thành các kiểu thực vật khác nhau…

 ***b. Nhiều luồng sinh vật di cư tới (vị trí tiếp xúc giữa các luồng sinh vật ):***

 +Thành phần bản địa chiếm khoảng hơn 50% số loài tập trung ở 4 khu vực chính là Hoàng Liên Sơn, Bắc Trung Bộ, Ngọc Linh, Lâm Viên.

 + Các thành phần di cư chiếm khoảng 50% từ các luồng sinh vật: Trung Hoa, Hy-ma-lay-a, Ma-lai-xi-a, Ấn Độ, Mi-an-ma, phân bố như bảng sau đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Luồng sinh vật | Tỉ lệ % | Phạm vi sống chính | Đặc điểm sinh thái |
| Trung Hoa | 10 | Đông Bắc, Bắc Trung Bộ  | Cận nhiệt đới |
| Hi-ma-lay-a | 10 | Tây Bắc, Trường Sơn | Ôn đới núi cao |
| Ma-lai-xi-a | 15 | Tây Nguyên, Nam Bộ | Nhiệt đới, á xích đạo |
| Ấn Độ-Mi-an-ma | 14 | Tây Bắc, Bắc Trung Bộ  | Cây rụng lá ưa khô |

***c.Ngoài ra con người có thể làm phong phú thêm giới sinh vật Việt Nam*** bằng các hoạt động mở rộng vùng phân bố, lai tạo và nhân giống mới...

 Tuy nhiên hiện nay con người đã làm cho nhiều hệ sinh thái tự nhiên (rừng, ven biển) bị tàn phá, biến đổi và suy giảm về chất lượng và số lượng.

***Các vườn quốc gia có giá trị khoa học và kinh tế - xã hội như thế nào?***

*- Giá trị khoa học của vườn quốc gia:*

 +VQG là nơi bảo tồn nguồn gen sinh vật tự nhiên.

 +VQG là cơ sở nhân giống và lai tạo giống mới.

 +VQG là phòng thí nghiệm tự nhiên không có gì thay thế được.

*- Giá trị kinh tế-xã hội:*

 +Phát triển du lịch sinh thái, nâng cao đời sống nhân dân địa phương (tạo việc làm, tăng thu nhập, phục hồi nghề truyền thống, các lễ hội tốt đẹp ở địa phương).

 +Tạo môi trường sống tốt cho xã hội (chữa bệnh, phát triển thể chất, rèn luyện thân thể…).

 +Xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên.

 ***Rừng trồng và rừng tự nhiên có gì khác nhau?***

 – Rừng trồng: cây cối thuần chủng, không có nhiều tầng, động vật rất ít.

 – Rừng tự nhiên: cây cối đa dạng, nhiều tầng, có nhiều loài động vật (chim thú).

**CHUYÊN ĐỀ . 5**

**BIỂN ĐẢO VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức:** HS nắm được:

 - Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam

 - Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông

 - Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam

- Nhận thức về vùng biển chủ quyền của Việt Nam.

**2. Kĩ năng**

* Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.
* Xác định được trên bản đổ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc; trình bày được khái niệm vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thểm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).

**II. NỘI DUNG**

***1. Khái quát về phạm vi biển Đông***

 - Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á.

 - Biển Đông là biển kín, thông với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương bởi các eo biển hẹp (eo Basi, Calimanta, malacca…).

- Biển Đông trải rộng từ khoảng 3°N đến 26°B và từ khoảng 100°Đ đến 121 °Đ.

- Diện tích 3.447.000km2, lớn thứ 2 ở Thái Bình Dương và thứ 3 trên thế giới.

- Có 2 vịnh lớn: vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan.

- Các nước có chung Biển Đông với Việt Nam là: Trung Quốc, Philíp-pin, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia.

***2. Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông***

Theo Công ước Liên hợp quốc vể Luật Biển năm 1982 và Luật Biển Việt Nam năm 2012, Việt Nam có các vùng biển là: nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyển kinh tế và vùng thềm lục địa.

 -Nội thuỷ là: vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ *sở* và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

 -Lãnh hải là: vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

-Vùng tiếp giáp lãnh hải là: vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải. Trong vùng này, Nhà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường, nhập cư, di cư, ...

-Vùng đặc quvền kinh tế là: vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. Ở vùng này, Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn, riêng biệt về kinh tế như thăm dò, khai thác, bảo vệ, sử dụng và quản lý tất cả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Quyền thiết lập các công trình đảo nhân tạo; quyền riêng biệt về nghiên cứu khoa học, bảo vệ, chống ô nhiễm môi trường biển... nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do hoạt động về hàng hải, hàng không theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

-Thềm lục địa Việt Nam là: đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa.



*Sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển Việt Nam*

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này cách đường cơ sở chưa đủ 200 hải lí thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lí tính từ đường cơ sở. Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này vượt quá 200 hải lí tính từ đường cơ sở thì thềm lục địa ở nơi đó được kéo dài không quá 350 hải lí tính từ đường cơ sở hoặc không quá 100 hải lí tính từ đường đẳng sâu 2 500 m.

Việt Nam có hai vịnh biển quan trọng là vịnh Thái Lan (được bao bọc bởi bờ biển Việt Nam, Thái Lan, Cam-pu-chia và Ma-lai-xi-a) và vịnh Bắc Bộ (được bao bọc bởi bờ biển Việt Nam và Trung Quốc). Đường phân định vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc được xác định qua 21 điểm nối tuần tự với nhau bằng các đoạn thẳng.

Trong vùng biển nước ta còn có các đảo và quần đảo: đảo Cái Bầu, đảo Bạch Long Vĩ, đảo Phú Quốc, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa, quần đảo Thổ chu,...

***3. Đặc điểm tự nhiên của vùng biển đảo Việt Nam***

***a) Địa hình***

- Các dạng địa hình ven biển nước ta rất đa dạng, bao gồm: vịnh cửa sông, bờ biển mài mòn, tam giác châu, các bãi cát phẳng, cồn cát, đầm phá, vũng vịnh nước sâu,...

- Địa hình thềm lục địa có sự tiếp nối với địa hình trên đất liền: nông và bằng phẳng ở phía bắc và phía nam, hẹp và sâu ở miển Trung.

- Địa hình đảo:

+ Ngoài quần đảo Hoàng Sa và quẩn đảo Trường Sa, nước ta có hệ thống đảo ven bờ phân bố tập trung ở vùng biển Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hoà, Kiên Giang,... Các đảo ven bờ có diện tích lớn nhất là Phú Quốc (Kiên Giang), Cát Bà (Hải Phòng),...

Ở phía bắc, đặc biệt trong vùng biển Quảng Ninh - Hải Phòng các đảo, quần đảo thường có cấu tạo từ đá vôi với các dạng địa hình các-xtơ.

Ở phía nam, nhiẽu đảo và quần đảo lổn có nguồn gốc hình thành từ san hô.

***b) Khí hậu: Vùng biển Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á***

 ***- Chế độ nhiệt:***

+ Nhiệt độ trung bình năm của nước biển tầng mặt là trên 230C, tăng dần từ Bắc vào Nam.

+ Mùa hạ: nhiệt độ giữa các vùng biển ít chênh lệch

+ Mùa đông: nhiệt độ giảm khá nhanh từ vùng biển phía nam lên vùng biển phía bắc

+ Biên độ nhiệt độ trung bình năm (so với trên đất liền): nhỏ hơn.

 ***- Chế độ gió:***

+ Từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau: gió mùa mùa đông và Tín phong có hướng đông bắc chiếm ưu thế

+ Từ tháng 5 đến tháng 9: gió mùa hướng đông nam chiếm ưu thế.

+ Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền.

 ***- Chế độ mưa:***

Lượng mưa trên biển thường nhỏ hơn trên đất liền, khoảng trên 1100 mm/năm; các đảo có lượng mưa lớn hơn.

 ***- Thiên tai:***

 Vùng biển Việt Nam là nơi chịu nhiều thiên tai: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc… Trung bình mỗi năm có 5 - 6 cơn bão ảnh hưởng đến nước ta.

***c. Hải văn***

 **+ Dòng biển:**

 **.** Dòng biển thay đổi theo mùa gió: mùa đông chủ yếu là các dòng chảy hướng đông bắc, còn vào mùa hạ chủ yếu là dòng chảy theo hướng tây nam.

 **.** Ngoài ra, trên vùng biển VN còn xuất hiện các vùng nước trồi và nước chìm, vận động lên xuống theo chiều thẳng đứng.

 **+ Chế độ triều:** Vùng biển ven bờ nước ta có nhiều chế độ triều khác nhau. Trong đó, chế độ nhật triều của vịnh Bắc Bộ được coi là điển hình của thế giới. Ở đây mỗi ngày chỉ có một lần nước lên và một lần nước xuống rất đều đặn.

 + **Độ muối** trung bình của vùng biển Việt Nam là 32 – 33%o, có sự biến động theo mùa và theo khu vực.

**4. Môi trường biển đảo Việt Nam**

***a) Đặc điểm môi trường biển đảo***

- Môi trường biển là một thể thống nhất. Vì vậy, khi một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho cả vùng bờ biển, vùng nước và cả các đảo xung quanh.

- Môi trường đảo do có sự biệt lập với đất liền, lại có diện tích nhỏ nên rất nhạy cảm trước tác động của con người, dễ bị suy thoái hơn so với đất liền.

***b) Vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam***

- Biển đảo có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta:

+ Vùng ven biển và hải đảo là nơi cư trú và diễn ra các hoạt động sản xuất của dân cư nước ta.

+ Nhiều hoạt động kinh tế biển như du lịch, khai thác và nuôi trồng thuỷ sản, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải,... đã đóng góp đáng kể vào GDP của đất nước.

+ Hệ thống các đảo tiền tiêu có vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Hiện trạng môi trường biển đảo Việt Nam:

+ Theo đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chất lượng nước biển ven bờ ở nước ta còn khá tốt với hầu hết các chi số đặc trưng đều nằm trong giới hạn cho phép. Nhìn chung, chất lượng nước biển ven các đảo và cụm đảo tương đối tốt, kể cả ở các đảo tập trung đông dân cư, chất lượng nước biển xa bờ đểu đạt chuẩn cho phép, tương đối ổn định và ít biến động qua các năm.

+ Tuy nhiên, chất lượng môi trường nước biển có xu hướng giảm do:

 Chịu tác động mạnh của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội khu vực ven bờ, đặc biệt là các hoạt động phát triển cảng biển, nuôi trồng hải sản và phát triển du lịch biển, nước thải, rác thải sinh hoạt của người dân,...

 Ngoài ra, biến đổi khí hậu và nước biển dâng cũng có tác động xấu tới môi trường biển đảo.

- Một số biện pháp để bảo vệ môi trường biển đảo:

+ Xây dựng cơ chế chính sách, luật bảo vệ môi trường biển đảo.

+ Áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ để kiểm soát và xử lí vấn đề môi trường biển đảo.

 ***+*** Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dần về bảo vệ và cải thiện môi trường biển đảo,...

+ HS có thể tham gia bảo vệ môi trường biển đảo với các hành động:

Tham gia các hoạt động (làm sạch bờ biển, giữ gìn môi trường sinh thái,...) nhằm giảm thiểu sự suy thoái, ô nhiễm môi trường biển và trên các đảo.

Đấu tranh với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển đảo trái với quy định của pháp luật.

Rèn luyện kĩ năng để thích ứng với các thiên tai và sự cố xảy ra trong vùng biển đảo.

**5. Tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam**

Vùng biển nước ta rất giàu và đẹp, nguồn lợi phong phú, đa dạng và có giá trị to lớn về nhiều mặt:

***a) Tài nguyên sinh vật:*** phong phú và đa dạng, tiêu biểu cho hệ sinh vật vùng biển nhiệt đới giàu thành phần và có năng suất sinh học cao, nhất là ở vùng ven bờ.

- Vùng biển Việt Nam có trên 2000 loài cá (110 loài có giá trị kinh tế cao như cá nục, cá trích, cá thu, cá ngừ...), hơn 100 loài tôm (một số loài có giá trị xuất khẩu cao như tôm he, tôm hùm...), vài chục loài mực, hàng nghìn loài sinh vật phù du và sinh vật đáy khác. Nhiều loài có giá trị kinh tế cao như hải sâm, bào ngư, sò huyết...

-Vùng triều ven bờ có nhiều loài rong biển được sử dụng trong công nghiệp thực phẩm và xuất khẩu.

- Ven các đảo, nhất là tại quần đảo lớn Hoàng Sa và Trường Sa có nguồn tài nguyên quý giá là các rạn san hô cùng đông đảo các loài sinh vật khác.

- Các loài chim biển vô cùng phong phú (khoảng 260 loài), gồm: hải âu, bồ nông, chim rẽ, hải yến,...

- Năm 2019, vùng biển nước ta có trữ lượng thuỷ sản là 3,87 triệu tấn và khả năng khai thác bền vững là gần 1,55 triệu tấn.

***b) Tài nguyên du lịch:***

- Bờ biển dài, có nhiều bãi cát, vịnh, hang động đẹp, nước biển trong xanh, hệ sinh thái biển phong phú, khung cảnh thiên nhiên các đảo đa dạng, là điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển.

- Một số địa điểm thu hút khách du lịch ở nước ta là: vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), Mỹ Khê (Đà Nẵng), Quy Nhơn (Bình Định), Nha Trang (Khánh Hoà), Mũi Né (Bình Thuận), Cát Bà (Hải Phòng), Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), Phú Quốc (Kiên Giang),...

-Các trung tâm kinh tế thương mại, các thành phố du lịch nằm ven biển hoặc cách bờ biển không xa như Hạ Long, Hải Phòng, Vinh, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Vũng Tàu, Hà Tiên, Hà Nội, Sài Gòn,... Hệ thống đường bộ, đường xe lửa xuyên Việt và liên vận quốc tế chất lượng cao được xây dựng dọc bờ biển.

***c) Tài nguyên khoáng sản:***

- Dầu mỏ, khí tự nhiên tập trung ở các bể (bồn trũng) trong vùng thềm lục địa, như các bể Sông Hồng, Phú Khánh, Cửu Long, Nam Côn Sơn, Malay - Thổ chu, Tư chính - Vũng Mây, nhóm bể Trường Sa và Hoàng Sa.

Trữ lượng dầu khí dự báo của toàn thềm lục địa[Việt Nam](http://www.tinmoitruong.vn/tim-kiem/Vi%E1%BB%87t-Nam_trang-1.html)khoảng 10 tỷ tấn quy dầu.

 Khí đốt với trữ lượng khai thác khoảng 3.000 tỷ m3/năm.

***-*** Các khoáng sản khác bao gồm 35 loại khoáng sản, phân bố dọc vùng ven biển, sườn bờ và dưới đáy biển. Trong đó, có giá trị nhất là ti-tan, cát thuỷ tinh, muối,... Băng cháy cũng là một loại khoáng sản có tiềm năng sử dụng lớn trong tương lai.

- Vùng ven biển nước ta còn thuận lợi cho nghề làm muối, nhất là ven biển Nam Trung Bộ.

***d) Giao thông vận tải:***

-Có điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu, phát triển giao thông vận tải biển. Một số cảng biển của nước ta: Hải Phòng (Hải Phòng), Chân Mây (Thừa Thiên Huế), Đà Nẵng (Đà Nẵng), Vũng Tàu (Bà Rịa - Vung Tàu), Sài Gòn (TP Hồ chí Minh),...

-Biển Đông được coi là con đường chiến lược về giao lưu và thương mại quốc tế giữa AĐD và TBD, ở cả bốn phía đều có đường thông ra TBD và AĐD qua các eo biển.

-Trong tổng số 10 tuyến đường biển lớn nhất trên thế giới hiện nay, có 5 tuyến đi qua Biển Đông hoặc có liên quan đến Biển Đông.

- Tài nguyên biển nước ta có sự giảm sút nghiêm trọng:

 + Việt Nam là một trong những quốc gia có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, diện tích rừng ngập mặn ở nước ta không ngừng giảm:

 Những năm 40 của thế kỉ XX: 450 000ha.

 Năm 1962: 290 000 ha

 Năm 1983: 252 000 ha

 Năm 1986: 190 000 ha.

 + Trong khoảng 30 năm trở lại đây, diện tích rạn san hô vùng Cát Bà – Hạ Long mất đi khoảng 30%, còn tại bờ biển Khánh Hòa thì độ phủ san hô sống giảm hàng chục lần từ năm 1983 đến năm 1988.

 + Một số loài sinh vật biển có thể bị đe dọa tuyệt chủng, trong đó một số loài có giá trị kinh tế cao như: Đồi mồi, Hải sâm, Bào ngư, Trai ngọc…

 *Nguyên nhân:*

 + Khai thác bừa bãi, vô tổ chức

 + Dùng các phương tiện có tính hủy diệt như nổ mìn, rà điện...

 + Quá nhiều lao động và phương tiện đánh bắt nhỏ, thủ công tập trung dày đặc ở vùng biển ven bờ (vùng biển ven bờ chỉ cho phép khai thác hàng năm khoảng 500 nghìn tấn, còn lại là khai thác xa bờ nhưng trên thực tế vùng biển gần bờ đã khai thác cao gấp 2 lần khả năng cho phép, còn ở xa bờ lại chỉ khai thác bằng 1/5 khả năng cho phép).

 **\* Khó khăn:** Thiên tai

 *+ Bão:* Mỗi năm trung bình có 9-10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông, trong đó có 3-4 cơn bão trực tiếp đổ vào nước ta, gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản, nhất là với cư dân sống ở vùng ven biển.

 *+ Sạt lở bờ biển:* Hiện tượng sạt lở bờ biển đã và đang đe dọa nhiều đoạn bờ biển nước ta, nhất là dải bờ biển Trung Bộ.

 + Ở vùng ven biển miền Trung còn chịu tác hại của hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc và làm hoang mạc hóa đất đai.

**d. Môi trường biển**

 - Sự ô nhiễm môi trường biển gia tăng rõ rệt trong những năm gần đây, do nhiều nguyên nhân:

 + Chất thải công nghiệp đổ ra từ các cửa sông;

 + Ô nhiễm hữu cơ do nuôi trồng hải sản;

 + Chất thải của tàu hoạt động trên các tuyến hàng hải quốc tế ngoài khơi Việt Nam;

 + Tai nạn tràn dầu từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí trong nước và khu vực;

 + Ô nhiễm rác thải do hoạt động du lịch và dân cư ven biển.

 - Chất lượng môi trường biển và vùng ven biển Việt Nam đang tiếp tục suy giảm. Đã có 70 loài hải sản được đưa vào danh sách đỏ để bảo vệ, 85 loài ở tình trạng nguy cấp ở nhiều mức độ khác nhau, đặc biệt là hiện tượng thủy triều đỏ xuất hiện

 - Các vùng bị ô nhiễm nặng là các thành phố cảng như Hạ Long, Hải Phòng, Đà Nẵng, Vũng Tàu và các vùng cửa sông như cửa s.Hồng, cửa s.Đồng Nai, cửa sCLong.

 Đối với môi trường biển thì ô nhiễm dầu là nguy hiểm nhất.

 *- Biện pháp:*

 + Để góp phần tích cực trong sự nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế nhằm vượt qua những thử thách to lớn về nhiễm môi trường biển đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng, VN đã tham gia một số công ước quốc tế liên quan đến bảo vệ môi trường biển:

 (Công ước của Liên Hợp quốc về luật biển năm 1982.

 Công ước Marpol 73/78 về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu biển gây ra.

 Công ước Basel về kiểm soát sự di chuyển qua biên giới các chất thải độc hại và các biện pháp hủy bỏ các chất thải này.

 Công ước Đa dạng sinh học

 Công ước Ramsar về các vùng đất ngập nước…)

 + Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp, ngành, địa phương, các thành phần kinh tế và toàn dân về quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên biển; chú trọng công tác phòng ngừa, ngăn chặn kết hợp với xử lý có hiệu quả ô nhiễm, cải thiện môi trường biển, vùng ven biển.

 + Tăng cường thực thi Luật Bảo vệ môi trường, nhất là đối với các hành vi hủy hoại môi trường biển.

 + Nhà nước sớm xây dựng và ban hành các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường biển, nhất là chi tiết hóa mức độ vi phạm, xử phạt; tạo chuyển biến tích cực trong quản lý, bảo vệ môi trường biển, đảo của Tổ quốc.

***Câu hỏi ôn tập***

 ***Quan sát hình 11.2 trang 147 SGK, nêu những bộ phận hợp thành vùng biển nước ta?***

 ?***Vùng biển Việt Nam mang tính chất nhiệt đới gió mùa, em hãy chứng minh điều đó thông qua các yếu tố khí hậu biển.*** (xem mục 1.b)

***Biển đã đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với kinh tế và đời sống của nhân dân ta?***

 a. Khái quát về vùng biển nước ta.

 b. Những thuận lợi và khó khăn gì đối với kinh tế và đời sống của nhân dân ta:

 ***\* Thuận lợi:***

+ ***Khí hậu***

**.** Tăng độ ẩm của các khối khí qua biển, mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn, đồng thời làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và làm dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.

**.** Nhờ có Biển Đông, khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hòa hơn.

=> thuận lợi cho các hoạt động kinh tế và đời sống con người diễn ra quanh năm.

+ ***Đa dạng các dạng địa hình và các hệ sinh thái vùng ven biển***

**.** Các dạng địa hình ven biển nước ta rất đa dạng: vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn, các tam giác châu có bãi triều rộng, các bãi cát phẳng, cồn cát, các đầm phá, các vũng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ và những rạn san hô….

**.** Các hệ sinh thái vùng ven biển rất đa dạng và giàu có:

Hệ sinh thái rừng ngập mặn ở nước ta vốn có diện tích tới 450 nghìn ha, cho năng suất sinh học cao, đặc biệt là sinh vật nước lợ.

Các hệ sinh thái trên đất phèn và hệ sinh thái rừng trên các đảo cũng rất đa dạng và phong phú.

-> Thuận lợi phát triển đa dạng các loại hình kinh tế ven biển: xây dựng hải cảng, giao thông vận tải, du lịch, nông nghiệp và ngư nghiệp...

***+ Tài nguyên thiên nhiên phong phú phục vụ cho sự phát triển các ngành kinh tế:***

 **.**  Khoáng sản: dầu khí, khoáng sản kim loại, phi kim loại, là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng.

 **.** Hải sản: cá, tôm, cua, rong biển... là cơ sở cho ngành khai thác hải sản.

 **.** Mặt nước: cơ sở cho ngành giao thông trên biển.

 **.** Bờ biển: các bãi biển đẹp, vũng, vịnh kín gió là cơ sở để phát triển ngành du lịch, xây dựng hải cảng.

 ***\* Khó khăn:***

- Bão: Mỗi năm trung bình có 9-10 cơn bãi xuất hiện ở Biển Đông, trong đó có 3-4 cơn bão trực tiếp đổ vào nước ta, gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản, nhất là với cư dân sống ở vùng ven biển nước ta.

- Sạt lở bờ biển: Hiện tượng sạt lở bờ biển đã và đang đe dọa nhiều đoạn bờ biển nước ta, nhất là dải bờ biển Trung Bộ.

- Ở vùng ven biển miền Trung còn chịu tác hại của hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc và làm hoang mạc hóa đất đai.

***5. Ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên nước ta:***

 \* Khái quát về biển Đông (nội dung bài học)

 \* Với những đặc điểm trên, biển Đông có ảnh hưởng sâu sắc đến thiên nhiên Việt Nam:

***a) Khí hậu***

- Tăng độ ẩm của các khối khí qua biển, mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn, đồng thời làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và làm dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.

- Nhờ có Biển Đông, khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hòa hơn.

***b) Địa hình và các hệ sinh thái vùng ven biển***

- Các dạng địa hình ven biển nước ta rất đa dạng: vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn, các tam giác châu có bãi triều rộng, các bãi cát phẳng, cồn cát, các đầm phá, các vũng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ và những rạn san hô….

- Các hệ sinh thái vùng ven biển rất đa dạng và giàu có

+ Hệ sinh thái rừng nước mặn ở nước ta vốn có diện tích tới 450 nghìn ha, cho năng suất sinh học cao, đặc biệt là sinh vật nước lợ.

+ Các hệ sinh thái trên đất phèn và hệ sinh thái rừng trên các đảo cũng rất đa dạng và phong phú.

***c) Tài nguyên thiên nhiên vùng biển*** *(tham khảo nội dung tài nguyên biển)*

***d) Thiên tai***

- Bão: Mỗi năm trung bình có 9-10 cơn bãi xuất hiện ở Biển Đông, trong đó có 3-4 cơn bão trực tiếp đổ vào nước ta, gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản, nhất là với cư dân sống ở vùng ven biển nước ta.

- Sạt lở bờ biển: Hiện tượng sạt lở bờ biển đã và đang đe dọa nhiều đoạn bờ biển nước ta, nhất là dải bờ biển Trung Bộ.

- Ở vùng ven biển miền Trung còn chịu tác hại của hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc và làm hoang mạc hóa đất đai.

***Thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. Bằng kiến thức đã học em hãy chứng minh?***

 - Khái quát về biển Đông (nội dung bài học)

 - Với những đặc điểm trên, biển Đông có ảnh hưởng sâu sắc đến thiên nhiên Việt Nam:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ảnh hưởng của biển* | *Kết quả* |
| *Khí hậu* | Tăng độ ẩm của các khối khí đi qua biển | Lượng mưa và độ ẩm lớnGiảm bớt lạnh khô vào mùa đông và nóng bức vào mùa hạKhí hậu mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hòa hơn |
| *Địa hình ven biển* | Tác động phong hóa, mài mòn của sóng, dòng biển, thủy triều đến vùng ven biển | Địa hình ven biển rất đa dạng:Vịnh cửa sông, bờ biển mài mòn, tam giác châu có bãi triều rộng, bãi cát, đàm phá, cồn cát, vũng vịnh, đảo ven bờ, rạn san hô… |
| *Hệ sinh thái vùng ven biển* | Khí hậu ven biển có độ ẩm cao hơn, đất nhiễm mặn, phèn | Hệ sinh thái ven biển rất đa dạng và giàu có: HST rừng ngập mặn, HST trên đất phèn, HST rừng trên đảo... |
| *Tài nguyên thiên nhiên vùng biển* | Thềm lục địa có nhiều khoáng sản.Phong hóa mạnh vùng địa hình ven biển.Ven biển có nhiệt độ cao, nhiều nắng. | Có nhiều bể dầu và khí có giá trị. Các bãi cát ven biển có trữ lượng lớn titan. Thuận lợi cho nghề làm muối, nhất là ven biển Nam Trung Bộ. |
| *Thiên tai* | Bão, sạt lở bờ biển, cát bay, cát chảy, thủy triều xâm nhập mặn đất đai… | Ven biển nhiều lũ lụt làm thiệt hại nặng nề về người và tài sản, ảnh hưởng đến sản xuất.Làm hoang mạc hóa đất đai… |

***Em hãy cho biết một số tài nguyên của vùng biển nước ta. Chúng là cơ sở cho những ngành kinh tế nào?*** - Khoáng sản: dầu khí, khoáng sản kim loại, phi kim loại, là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng.
 - Hải sản: cá, tôm, cua, rong biển... là cơ sử cho ngành khai thác hải sản.
 - Mặt nước: cơ sở cho ngành giao thông trên biển.
 - Bờ biển: các bãi biển đẹp. vũng, vịnh kín gió là cơ sở để phát triển ngành du lịch, xây dựng hải cảng.

***Trình bày đặc điểm địa hình, khí hậu và hải văn vùng biển Việt Nam?***

 ***Môi trường biển đảo có những đặc điểm khác biệt với môi trường trên đất liền như thế nào?***

***Nêu đặc điểm môi trường biển đảo Việt Nam?***

***Trình bày vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam? Bản thân em có thể làm gì để góp phần bảo vệ môi trường biển đảo?***

***Trình bày các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam?***

 **----------- THE END----------**

**CHÚC THẦY CÔ VÀ CÁC EM ÔN THI ĐẠT KẾT QUẢ CAO**